



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN

HỎI - ĐÁP

VỀ LUẬT TRẺ EM NĂM 2016



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**HỎI - ĐÁP VỀ
LUẬT TRẺ EM NĂM 2016**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

TRẦN MINH TUẤN

**HỎI - ĐÁP VỀ
LUẬT TRẺ EM NĂM 2016**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Việt Nam là một quốc gia có truyền thống xây dựng và bảo đảm thực hiện pháp luật về quyền trẻ em. Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên - năm 1946 cho đến Hiến pháp năm 2013, quyền trẻ em tồn tại như một chế định hoàn chỉnh mang tính hiến định. Việt Nam là nước đầu tiên ở châu Á, nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào ngày 20-2-1990 mà không bảo lưu bản công ước về quyền con người có nội dung toàn diện về quyền trẻ em này. Đồng thời, để thực hiện tốt hơn vấn đề này, ngày 12-8-1991, Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 9 lần đầu tiên đã ban hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, để phù hợp với sự phát triển của đất nước trong tình hình mới, ngày 15-6-2004, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khoá XI đã thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 thay thế cho Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991 quy định các quyền cơ bản, bổn phận của trẻ em; trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Trải qua hơn 10 năm thi hành luật, trong bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước ta có nhiều thay đổi, có những vấn đề liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cần được nghiên cứu, sửa đổi, vì vậy, ngày 05-4-2016, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá XIII đã ban hành Luật trẻ em năm 2016 thay thế Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004.

Với mục đích tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Luật trẻ em năm 2016 tới toàn thể Nhân dân, đặc biệt là

cán bộ và Nhân dân tại cơ sở xã, phường, thị trấn - nơi trẻ em sinh hoạt, học tập và được bảo đảm quyền trẻ em của mình, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Hỏi - đáp về Luật trẻ em năm 2016.***

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 12 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRẺ EM Ở VIỆT NAM

Câu hỏi số 1: Trẻ em theo pháp luật Việt Nam là những người ở độ tuổi nào?

Trả lời:

Theo Điều 1 Luật trẻ em được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01-6-2017 (sau đây gọi là Luật trẻ em năm 2016) thì trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Câu hỏi số 2: Quy định trẻ em là những người dưới 16 tuổi thì có trái với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 (Việt Nam gia nhập từ ngày 20-02-1990) hay không?

Trả lời:

Điều 1 Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 quy định trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn. Như vậy, Công ước bỏ ngỏ khả năng để tùy theo điều kiện của mỗi quốc gia, pháp luật trong nước có thể quy định tuổi thành niên sớm hơn 18 tuổi.

Do đó, pháp luật Việt Nam quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi (sớm hơn 18 tuổi) là phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em mà Việt Nam đang là thành viên.

Câu hỏi số 3: Em Nguyễn Văn A sinh ngày 29-12-2000, đến ngày 01-12-2016 em A được vợ chồng ông Trần Văn H và bà Lưu Thị Q làm thủ tục nhận làm con nuôi. Ông H và bà Q không có quan hệ ruột thịt với em A. Như vậy, việc xin con nuôi của ông H và bà Q có hợp pháp hay không?

Trả lời:

Theo Điều 8 Luật nuôi con nuôi năm 2010, chỉ trẻ em (người dưới 16 tuổi) mới được nhận làm con nuôi của người không phải là cha đẻ, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột của họ. Em Nguyễn Văn A sinh ngày 29-12-2000, nên đến ngày 01-12-2016, em A vẫn chưa đủ 16 tuổi. Vì vậy, việc ông H và bà Q làm hồ sơ nhận em A làm con nuôi vào thời điểm ngày 01-12-2016 là hợp pháp.

Câu hỏi số 4: Thế nào là bảo vệ trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, bảo vệ trẻ em là việc thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Câu hỏi số 5: Thế nào là bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, phát triển toàn diện của trẻ em là sự phát triển đồng thời cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội của trẻ em.

Do đó, bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ em là thực

hiện các biện pháp nhằm phát triển đồng thời cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội của trẻ em.

Câu hỏi số 6: Thế nào là chăm sóc thay thế đối với trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 3 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, chăm sóc thay thế là việc tổ chức, gia đình, cá nhân nhận trẻ em về chăm sóc, nuôi dưỡng khi trẻ em không còn cha mẹ; trẻ em không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang nhằm bảo đảm sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Câu hỏi số 7: Cháu Hoàng Mỹ B, 10 tuổi, sinh sống cùng cha, mẹ tại một tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam. Trong một trận sạt lở đất do thiên tai, ngôi nhà gia đình cháu bị vùi lấp, cả cha và mẹ của cháu bị chết, bản thân cháu B may mắn được cứu sống. Gia đình người em gái ruột của mẹ cháu B (dì ruột cháu B) muốn nhận cháu B về nuôi dưỡng, như vậy có được gọi là người chăm sóc thay thế hay không?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016 quy định trẻ em không còn cha, mẹ thì có thể được tổ chức, gia đình, cá nhân nhận về chăm sóc và trường hợp như vậy được gọi là chăm sóc thay thế. Các gia đình, cá nhân chăm sóc thay thế có thể là bất kỳ ai, không kể có quan hệ gia đình, huyết thống với trẻ em đó hay không. Do đó, gia đình dì ruột của cháu Hoàng Mỹ B nhận chăm sóc cháu khi cha mẹ cháu Hoàng Mỹ B đã chết cũng sẽ được coi là việc chăm sóc thay thế.

Câu hỏi số 8: Những ai được coi là người chăm sóc trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 4 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, người chăm sóc trẻ em là người đảm nhận nhiệm vụ chăm sóc trẻ em,

bao gồm người giám hộ của trẻ em; người nhận chăm sóc thay thế hoặc người được giao trách nhiệm cùng với cha, mẹ của trẻ em cấp dưỡng, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

Câu hỏi số 9: Những ai được coi là người giám hộ hay người cấp dưỡng trẻ em?

Trả lời:

1. Về người giám hộ trẻ em

Theo Điều 58 Bộ luật dân sự năm 2005, thì giám hộ là việc cá nhân, tổ chức (sau đây gọi chung là người giám hộ) được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự (sau đây gọi chung là người được giám hộ).

Người được giám hộ là trẻ em bao gồm người chưa thành niên không còn cha, mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Toà án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu. Riêng người chưa đủ mười lăm tuổi thuộc vào các trường hợp này bắt buộc phải có người giám hộ.

Bên cạnh đó, theo Điều 60 Bộ luật dân sự năm 2005, đối với cá nhân phải có đủ các điều kiện sau đây mới có thể làm người giám hộ:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có tư cách đạo đức tốt; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xoá án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác;
- Có điều kiện cần thiết bảo đảm thực hiện việc giám hộ.

Tuy nhiên, các quy định nêu trên về giám hộ sẽ hết hiệu lực vào ngày 01-01-2017 và được thay thế bằng khoản 1

Điều 46 và Điều 50 Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó, giám hộ là việc cá nhân, pháp nhân được luật quy định, được Ủy ban nhân dân cấp xã cử, được Tòa án chỉ định để thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên (trẻ em). Người giám hộ cho trẻ em có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

Trường hợp người giám hộ là cá nhân, thì phải đáp ứng điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ;
- Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xoá án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác;
- Không phải là người bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con chưa thành niên.

Trong trường hợp người giám hộ trẻ em là pháp nhân, Bộ luật dân sự năm 2015 quy định phải có các điều kiện sau:

- Có năng lực pháp luật dân sự phù hợp với việc giám hộ;
- Có điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

2. Về người cấp dưỡng trẻ em

Theo Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột. Bên cạnh đó, điểm a khoản 2 Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định người gây thiệt hại đến tính mạng của người khác thì phải cấp dưỡng cho người chưa thành niên hoặc người đã thành thai là con của người chết và còn sống sau khi sinh ra được hưởng tiền cấp dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, trừ trường hợp người từ đủ 15 đến chưa đủ 18 tuổi đã tham gia

lao động và có thu nhập để nuôi sống bản thân (từ ngày 01-01-2017, nội dung này sẽ áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 593 Bộ luật dân sự năm 2015).

Như vậy, người cấp dưỡng của trẻ em có thể là cha, mẹ; anh, chị; ông, bà nội, ông bà ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột của trẻ em cũng như người gây thiệt hại đến tính mạng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ em.

Câu hỏi số 10: Những ai được coi là người giám hộ đương nhiên của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 60 Bộ luật dân sự năm 2005, người giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên mà không còn cả cha và mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu, được xác định như sau:

- Trong trường hợp anh ruột, chị ruột không có thỏa thuận khác thì anh cả hoặc chị cả là người giám hộ của em chưa thành niên; nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì anh, chị tiếp theo là người giám hộ;

- Trong trường hợp không có anh ruột, chị ruột hoặc anh ruột, chị ruột không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ; nếu không có ai trong số những người thân thích này có đủ điều kiện làm người giám hộ thì bác, chú, cậu, cô, dì là người giám hộ.

Tuy nhiên, từ ngày 01-01-2017, quy định nêu trên được thay thế bởi Điều 47 và Điều 52 Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó: trẻ em không còn cha, mẹ hoặc không xác định được cha, mẹ; trẻ em có cha, mẹ nhưng cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; cha, mẹ đều bị hạn chế năng lực

hành vi dân sự; cha, mẹ đều bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con; cha, mẹ đều không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con và có yêu cầu người giám hộ. Người giám hộ đương nhiên của trẻ em trong trường hợp này gồm:

- Anh ruột là anh cả hoặc chị ruột là chị cả là người giám hộ; nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì anh ruột hoặc chị ruột tiếp theo là người giám hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận anh ruột hoặc chị ruột khác làm người giám hộ;

- Trường hợp không có anh chị ruột hoặc anh chị ruột không đủ điều kiện làm người giám hộ thì người giám hộ đương nhiên là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ hoặc những người này thỏa thuận cử một hoặc một số người trong số họ làm người giám hộ đương nhiên;

- Trường hợp không có (không còn) anh chị ruột, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại hoặc người này không đủ điều kiện là người giám hộ thì bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột hoặc dì ruột là người giám hộ đương nhiên.

Câu hỏi số 11: Hành vi nào bị coi là xâm hại trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 5 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác.

Câu hỏi số 12: Các hình thức gây tổn hại khác cho trẻ em gồm những loại hành vi nào?

Trả lời:

Mặc dù Luật trẻ em năm 2016 không quy định chi tiết những hình thức gây tổn hại khác cho trẻ em, tuy nhiên, theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan như: Bộ luật hình

sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009¹, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản pháp luật liên quan khác thì các hình thức gây tổn hại khác cho trẻ em có thể gồm đánh tráo trẻ em, bắt trẻ em nhịn ăn, uống, mặc rách, hạn chế vệ sinh cá nhân; giam hãm trẻ em; bắt trẻ em sống ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm; gây tổn thương về tinh thần, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, lăng nhục, chửi mắng, làm nhục, cách ly, sao nhãng ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em; dùng các biện pháp trừng phạt để dạy trẻ em, làm trẻ em tổn thương, đau đớn về thể xác và tinh thần; thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, gây tổn thương về tinh thần, v.v..

Câu hỏi số 13: Hành vi nào bị coi là bạo lực đối với trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 6 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em.

Câu hỏi số 14: Anh Hoàng Trọng K do lo lắng con mình là cháu Hoàng Trọng G ham chơi, không chịu học hành nên thường xuyên cấm cháu G đi chơi với các bạn cùng lứa tuổi và chửi, mắng thậm tệ (mặt sát không tiếc lời) mỗi lần cháu Q chón đi chơi với bạn bè. Vậy, việc làm của anh K có bị coi là có hành vi bạo lực đối với trẻ em hay không?

Trả lời:

Hành vi thường xuyên cấm cháu Hoàng Trọng Q chơi

1. Được thay thế bởi Bộ luật hình sự năm 2015 hiện đang lùi hiệu lực thi hành theo Nghị định số 144/2016/QH13 ngày 29-6-2016 của Quốc hội khóa XIII.

với bạn bè có thể được coi là hình thức “cô lập” trẻ em; hơn nữa, việc anh K chửi mắng thậm tệ cháu Q cũng được coi là hành vi lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cháu Q. Do đó, đối chiếu với quy định của khoản 6 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016 thì anh K đang có hành vi bạo lực với trẻ em.

Đặc biệt, nếu hành vi như trên của anh K là thường xuyên, kéo dài, gây cho em Q đau đớn về tinh thần thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 151 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 185 Bộ luật hình sự năm 2015).

Câu hỏi số 15: Hành vi nào bị coi là bóc lột trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 7 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.

Câu hỏi số 16: Hành vi sử dụng lao động trẻ em làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại có phạm tội theo quy định của pháp luật hay không?

Trả lời:

Việc sử dụng trẻ em làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo Danh mục mà Nhà nước quy định gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 296 Bộ luật hình sự năm 2015).

Câu hỏi số 17: Hành vi nào bị coi là xâm hại tình dục trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 8 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

Các hành vi xâm hại tình dục, tùy theo mức độ có thể bị xử lý theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự (xem thêm Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Bộ luật hình sự năm 2015)).

Câu hỏi số 18: Hành vi nào bị coi là bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 9 Điều 4 của Luật trẻ em năm 2016, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em là hành vi của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (mục 1 Chương V) quy định việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên của mình vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ (kể cả cha dượng, mẹ kế), người giám hộ.

Câu hỏi số 19: Anh Lâm H với chị Nguyễn Thị M ly hôn năm 2013, theo bản án của Tòa án thì chị M nuôi cháu N, 12 tuổi (ở thời điểm ly hôn) là con chung của anh H và chị M. Hằng tháng anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Tuy nhiên, hai năm nay, anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N dẫn đến cuộc sống mẹ con cháu N rất khó khăn, cháu N phải bỏ học. Do chị M có đơn gửi chính quyền về việc này,

nên chính quyền đã xử phạt hành chính anh H một lần, nhưng anh H vẫn tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Vậy, trong trường hợp này anh H có bị xử lý theo quy định pháp luật về hình sự hay không?

Trả lời:

Theo Điều 152 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 186 Bộ luật hình sự năm 2015), người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án mà từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì có thể bị xử lý về tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng.

Câu hỏi số 20: Thế nào là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?

Trả lời:

Khoản 10 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016 định nghĩa trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng.

Bên cạnh đó, Điều 10 Luật trẻ em năm 2016 làm rõ về các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt gồm:

- a) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;
- b) Trẻ em bị bỏ rơi;
- c) Trẻ em không nơi nương tựa;
- d) Trẻ em khuyết tật;
- đ) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS;
- e) Trẻ em vi phạm pháp luật;
- g) Trẻ em nghiện ma túy;

h) Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

i) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;

k) Trẻ em bị bóc lột;

l) Trẻ em bị xâm hại tình dục;

m) Trẻ em bị mua bán;

n) Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

o) Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

Câu hỏi số 21: Nhà nước có chính sách gì đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt?

Trả lời:

Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được Nhà nước có những chính sách, biện pháp để chăm sóc, hỗ trợ riêng. Các biện pháp này của Nhà nước được quy định trong nhiều văn bản pháp luật ở các lĩnh vực khác nhau, như Luật trẻ em, Luật giáo dục, Luật trợ giúp pháp lý, v.v.; cùng với đó, Nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập các thiết chế, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, như: Quỹ Bảo trợ trẻ em, các cơ sở nuôi dạy trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi, v.v..

Liên quan đến thực hiện các biện pháp chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 26-4-2013 phê duyệt Đề án chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em khuyết tật nặng và trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng giai đoạn 2013-2020. Theo đó:

1. Nội dung hoạt động của Đề án:

a) Xây dựng chính sách, pháp luật về huy động sự tham

gia của cộng đồng trong việc chăm sóc và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

b) Tiếp tục thí điểm mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và một số mô hình trợ giúp khác;

c) Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội để đủ điều kiện chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng mô hình ngôi nhà tạm lánh để tiếp nhận, chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa tại một số địa phương;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin bảo trợ xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Các giải pháp của Đề án:

a) Truyền thông, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong việc chăm sóc và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật chăm sóc và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

c) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng;

d) Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng.

3. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện Đề án:

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai Đề án trên phạm vi cả nước; điều phối các hoạt động của Đề án; chủ trì tổ chức

thực hiện các nội dung, giải pháp đã được phân công trong Đề án này theo quy định hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án;

b) Bộ Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế trong việc trợ giúp khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai chương trình giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện miễn, giảm các khoản đóng góp để xây dựng cơ sở vật chất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

d) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, căn cứ khả năng ngân sách nhà nước hằng năm, bố trí ngân sách để thực hiện Đề án, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan;

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan vận động các nguồn viện trợ nước ngoài cho công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng;

e) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng; chỉ đạo các cơ quan thông tin và truyền thông trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng;

g) Các Bộ, ngành liên quan khác, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án; nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình

cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về phát triển công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng;

h) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng;

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp của Đề án trên địa bàn tỉnh, thành phố;

- Bố trí ngân sách thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

i) Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng; huy động đoàn viên, hội viên của tổ chức mình tham gia công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng.

Câu hỏi số 22: Thế nào là giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 11 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em là việc xem xét, đánh giá hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của trẻ em, bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Câu hỏi số 23: Cơ quan nào có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 77 Luật trẻ em năm 2016, Trung

ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

Câu hỏi số 24: Diễn đàn trẻ em là gì và việc tổ chức Diễn đàn trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 33/2014/TT-BLĐTBXH ngày 24-12-2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thì Diễn đàn trẻ em là hoạt động đề đại diện của trẻ em nói lên ý kiến, nguyện vọng của trẻ em hoặc đề các cơ quan, tổ chức lấy ý kiến của trẻ em về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

Việc tổ chức Diễn đàn trẻ em được thực hiện ở cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện, theo đó việc tổ chức Diễn đàn trẻ em như sau:

1. Xác định chủ đề, nội dung Diễn đàn trẻ em (Điều 4)

Việc xác định chủ đề, nội dung Diễn đàn trẻ em căn cứ vào tình hình thực tiễn đất nước, địa phương; tập trung vào những vấn đề xã hội có liên quan đến trẻ em mà cộng đồng xã hội quan tâm hoặc luật pháp, chính sách liên quan tới trẻ em đã và sắp ban hành. Chủ đề cần ngắn gọn, dễ hiểu, chứa đựng thông điệp thúc đẩy hành động tích cực vì trẻ em.

2. Thời gian, thời lượng tổ chức Diễn đàn trẻ em (Điều 5)

Thời gian, thời lượng tổ chức Diễn đàn trẻ em phải phù hợp với nội dung hoạt động Diễn đàn, không ảnh hưởng tới sức khỏe và chương trình học tập của trẻ em trong nhà trường.

3. Địa điểm, điều kiện vật chất tổ chức Diễn đàn trẻ em (Điều 6)

a) Địa điểm tổ chức Diễn đàn trẻ em phải an toàn, thân thiện với trẻ em và trong phạm vi đơn vị hành chính của cấp tổ chức Diễn đàn.

b) Điều kiện vật chất tổ chức Diễn đàn trẻ em

- Phòng họp đáp ứng việc sắp xếp bàn ghế một cách linh hoạt để trẻ tham gia các hoạt động thảo luận nhóm, trò chơi, văn nghệ, đối thoại;

- Bảo đảm thiết bị âm thanh, ánh sáng;

- Băng rôn, thông điệp tuyên truyền, bảng tiêu đề về chủ đề Diễn đàn;

- Văn phòng phẩm;

- Bảo đảm điều kiện ăn, uống, nghỉ ngơi, vệ sinh, sơ cứu, vận chuyển cấp cứu, phòng chống cháy nổ.

4. Thành phần tham gia Diễn đàn trẻ em (Điều 7)

Thành phần tham gia Diễn đàn trẻ em bao gồm trẻ em, người phụ trách trẻ em, tình nguyện viên và khách mời tham gia đối thoại.

Trẻ em tham gia Diễn đàn bao gồm trẻ em có nguyện vọng tham gia, trẻ em được lựa chọn từ địa phương, cơ sở và trẻ em được bầu chọn thông qua việc tham gia Diễn đàn trẻ em các cấp.

Người phụ trách trẻ em: mỗi người chịu trách nhiệm chăm sóc, hỗ trợ không quá năm trẻ em.

Tỉ lệ tình nguyện viên tham gia Diễn đàn trẻ em so với trẻ em tham gia Diễn đàn không quá một phần mười.

Khách mời phiên gặp mặt đối thoại bao gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia đối thoại. Số lượng khách mời không vượt quá một phần ba tổng số trẻ em tham gia Diễn đàn.

5. Lựa chọn trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em (Điều 8)

a) Tiêu chí lựa chọn trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em:

- Từ đủ 9 tuổi đến dưới 16 tuổi;

- Tự nguyện đăng ký tham gia Diễn đàn (Mẫu phiếu đăng ký ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BLDTBXH);

- Được đồng ý của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp

(Mẫu phiếu ý kiến của cha, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BLĐTBXH);

- Bảo đảm sức khỏe tham gia Diễn đàn.

b) Cơ cấu trẻ em tham gia Diễn đàn phải bảo đảm đại diện cho vùng, miền, dân tộc, độ tuổi, giới tính, tôn giáo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong phạm vi địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức.

c) Quy trình chọn, cử đại diện trẻ em tham gia Diễn đàn trẻ em:

- Thông báo công khai chủ đề, nội dung Diễn đàn; tiêu chí chọn, quy trình cử trẻ em tham gia Diễn đàn;

- Thực hiện việc lựa chọn trẻ em tham gia Diễn đàn từ địa phương, cơ sở hoặc từ các Diễn đàn trẻ em cấp dưới tham gia Diễn đàn trẻ em cấp trên;

- Hình thức bầu chọn tại Diễn đàn là đề cử, biểu quyết hoặc bỏ phiếu.

6. Hoạt động chuẩn bị Diễn đàn trẻ em (Điều 9)

a) Chuẩn bị các văn bản, tài liệu:

Cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch và thành lập Ban Tổ chức Diễn đàn; gửi công văn đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia tổ chức Diễn đàn; xây dựng nội quy, tài liệu hướng dẫn trẻ em, người phụ trách, tình nguyện viên, phóng viên tham gia Diễn đàn; xây dựng tài liệu truyền thông, giới thiệu về Diễn đàn.

b) Trách nhiệm của trẻ em tham gia Diễn đàn:

- Tham gia chuẩn bị các kiến nghị, đề xuất xây dựng nội dung và các thông điệp chính của Diễn đàn;

- Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ, trò chơi phù hợp với chủ đề, nội dung của Diễn đàn;

- Chuẩn bị các sản phẩm truyền thông, sản phẩm triển lãm theo chủ đề, nội dung Diễn đàn (nếu có).

c) Trách nhiệm của Ban Tổ chức Diễn đàn, người phụ trách trẻ em và tình nguyện viên:

- Cung cấp thông tin, tài liệu giúp trẻ em hiểu được chủ đề, nội dung và các yêu cầu chuẩn bị Diễn đàn;

- Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, mong muốn của trẻ em để hỗ trợ kịp thời;

- Hướng dẫn trẻ em các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, lắng nghe, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

7. Tổ chức Diễn đàn trẻ em (Điều 10)

Diễn đàn trẻ em được tổ chức theo các phiên họp, bao gồm 2 phiên họp là phiên thảo luận và phiên gặp mặt, đối thoại.

a) Phiên thảo luận:

- * Trách nhiệm của trẻ em tham gia Diễn đàn

- Tham gia thảo luận trong các nhóm nội dung để đưa ra các kiến nghị, thông điệp chính, các vấn đề cần trao đổi trong phiên gặp mặt, đối thoại;

- Chọn, cử trẻ em đại diện cho nhóm trình bày các kết quả thảo luận.

- * Trách nhiệm của Ban Tổ chức, người phụ trách trẻ em, tình nguyện viên:

- Cung cấp các thông tin bổ sung, giải thích cho trẻ em những văn bản, tài liệu liên quan đến chủ đề, nội dung của Diễn đàn với ngôn ngữ thân thiện, dễ hiểu đối với trẻ em;

- Phát hiện, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các trở ngại, khó khăn của trẻ em khi tham gia phiên thảo luận.

b) Phiên gặp mặt, đối thoại:

- * Trách nhiệm của trẻ em tham gia Diễn đàn:

- Đại diện các nhóm thảo luận báo cáo các kết quả thảo luận nhóm;

- Đặt câu hỏi và trao đổi với đại diện cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

- Trao văn bản thông điệp và các kiến nghị của Diễn đàn cho đại diện cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và khách mời tham dự Diễn đàn;

* Ban tổ chức, người phụ trách trẻ em, tình nguyện viên có trách nhiệm phát hiện, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các trở ngại, khó khăn đối với trẻ em khi tham gia phiên gặp mặt, đối thoại.

* Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tham gia Diễn đàn:

- Trả lời những câu hỏi, kiến nghị của trẻ em nêu ra thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức mình;

- Tiếp nhận thông điệp, kiến nghị của Diễn đàn để tiếp tục xem xét, trả lời, giải quyết sau khi Diễn đàn kết thúc.

c) Các hoạt động khác: văn nghệ, thể thao, tham quan, họp báo chỉ được diễn ra khi thật cần thiết, phù hợp với Diễn đàn và phải được sự đồng ý, cho phép của Ban Tổ chức.

Căn cứ thời gian và kinh phí tổ chức Diễn đàn, Ban Tổ chức Diễn đàn đưa vào kế hoạch các hoạt động văn nghệ, thể thao, tham quan cho trẻ em trong phạm vi Diễn đàn hoặc cho trẻ em tham gia các cuộc họp báo về Diễn đàn theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo kết quả Diễn đàn và gửi thông điệp, kiến nghị của Diễn đàn trẻ em (Điều 11)

Chậm nhất 15 ngày sau khi Diễn đàn kết thúc, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Diễn đàn có trách nhiệm báo cáo kết quả thảo luận và thông điệp, kiến nghị của trẻ em tại Diễn đàn cho Ủy ban nhân dân cùng cấp, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp trên và các cơ quan, tổ chức liên quan đến việc trả lời, giải đáp kiến nghị của trẻ em.

9. Theo dõi, báo cáo việc tiếp nhận, trả lời, giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em (Điều 12)

a) Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh và cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, báo cáo tình hình tiếp nhận, trả lời, giải quyết kiến nghị của trẻ em của các cơ quan, tổ chức có liên quan cho Ủy ban nhân dân, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp trên.

b) Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp và việc tiếp nhận, phản hồi, giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

10. Kinh phí tổ chức Diễn đàn trẻ em (Điều 13)

Kinh phí tổ chức Diễn đàn trẻ em bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ của tổ chức, cá nhân; các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 25: Việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em phải tuân thủ các nguyên tắc nào?

Trả lời:

Theo Điều 5 Luật trẻ em năm 2016, thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình;

2. Không phân biệt đối xử với trẻ em;

3. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em;

4. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em;

5. Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu

về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương.

Câu hỏi số 26: Các hành vi nào đối với trẻ em bị pháp luật nghiêm cấm?

Trả lời:

Theo Điều 6 Luật trẻ em năm 2016, các hành vi đối với trẻ em sau đây bị pháp luật nghiêm cấm:

1. Tước đoạt quyền sống của trẻ em;
2. Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em;
3. Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em;
4. Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn;
5. Sử dụng, rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác;
6. Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình;
7. Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền;
8. Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em;
9. Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em;
10. Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em;

11. Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em;

12. Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi;

13. Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ;

14. Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật;

15. Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm.

Câu hỏi số 27: Cháu Nguyễn Hồng N (tính đến ngày 21-5-2016 cháu N đủ 15 tuổi) đang sống cùng cha mẹ tại huyện K, tỉnh BQ. Cháu N được gia đình ông Trần Văn H, cùng xã xin cưới về làm vợ cho con trai mình là Trần Minh Q, 20 tuổi. Cha mẹ cháu và bản thân cháu N, cháu Q đã đồng ý và ấn định ngày cưới theo phong tục của địa phương là ngày 15-8-2016. Vậy, trường hợp này có được pháp luật cho phép hay không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;
- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn.

Như vậy, trường hợp kết hôn giữa cháu Nguyễn Hồng N và Trần Minh Q là vi phạm về độ tuổi kết hôn do cháu Nguyễn Hồng N chưa đủ 18 tuổi và theo khoản 8 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì thuộc vào trường hợp tảo hôn.

Đối với trường hợp tảo hôn, Điều 148 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 183 Bộ luật hình sự năm 2013) quy định: người nào tổ chức việc kết hôn cho những người chưa đến tuổi kết hôn hoặc cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đến tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Tòa án buộc chấm dứt quan hệ đó, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

Câu hỏi số 28: Những người thực hiện các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm đối với trẻ em có thể bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Những người thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện đối với trẻ em (Xem Câu hỏi 26 để rõ thêm về các hành vi bị cấm thực hiện đối với trẻ em) có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật hành chính hoặc hình sự.

Sau đây là một số ví dụ về việc xử lý hình sự đối với người thực hiện các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm đối với trẻ em:

Ví dụ 1: Tước đoạt mạng sống của trẻ em thì phạm tội

giết người có tình tiết tăng nặng theo quy định của Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015); nếu cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của trẻ em thì phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015).

Ví dụ 2: Mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em thì phạm vào tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 151, 152, 153 Bộ luật hình sự năm 2015)); bắt cóc trẻ em có thể phạm vào tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 169 Bộ luật hình sự năm 2015)).

Ví dụ 3: Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn có thể phạm tội tổ chức tảo hôn, tội tảo hôn theo Điều 148 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 183 Bộ luật hình sự năm 2015).

Ví dụ 4: Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích khác có thể phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 197 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015):

Câu hỏi số 29: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan được sử dụng nguồn lực nào để bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 7 Luật trẻ em năm 2016, Nhà nước bảo đảm nguồn lực thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành

và địa phương; ưu tiên bố trí nguồn lực để bảo vệ trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

Nguồn tài chính thực hiện quyền trẻ em bao gồm ngân sách nhà nước; ủng hộ của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong nước, nước ngoài; nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ; viện trợ quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác.

Nhà nước có giải pháp về nhân lực và bảo đảm điều kiện cho việc thực hiện quyền trẻ em; phát triển mạng lưới người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, ưu tiên bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và vận động nguồn lực để phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm.

Chương II

QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM

Mục I: Quyền của trẻ em

Câu hỏi số 30: Quyền sống của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Quyền sống là một trong những quyền cơ bản nhất của con người, trong đó có trẻ em. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 của Liên hợp quốc, tại Điều 3 tuyên bố: Ai cũng có quyền được sống, tự do và an toàn thân thể.

Cụ thể hóa hơn một bước về quyền sống của Tuyên ngôn nêu trên, Điều 12 Luật trẻ em năm 2016 quy định: trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển.

Quyền sống của trẻ em luôn được pháp luật đặc biệt bảo vệ. Theo Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung

năm 2009 (được thay thế bởi Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015), cùng là hành vi xâm hại đến tính mạng con người, nhưng nếu là hành vi xâm hại đến tính mạng trẻ em thì bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Câu hỏi số 31: Thế nào là bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển của trẻ em?

Trả lời:

Pháp luật không quy định cụ thể thế nào là bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển của trẻ em. Tuy nhiên, có thể hiểu là trong hoàn cảnh hiện có, Nhà nước, gia đình và xã hội bảo đảm tốt nhất có thể các điều kiện vật chất (sản phẩm nuôi sống và phát triển, sức khỏe, môi trường xã hội, môi trường sống...) và điều kiện tinh thần (giáo dục, giải trí...) cho trẻ em.

Câu hỏi số 32: Quyền được khai sinh và có quốc tịch của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 13 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật khác cũng quy định về quyền nêu trên của trẻ em, như: Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01-01-2017), Luật hộ tịch năm 2014, Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, v.v..

BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015:

Điều 30. Quyền được khai sinh, khai tử

1. Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh.

...

3. Trẻ em sinh ra mà sống được từ hai mươi bốn giờ trở lên mới chết thì phải được khai sinh và khai tử; nếu sinh ra

mà sống dưới hai mươi bốn giờ thì không phải khai sinh và khai tử, trừ trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ có yêu cầu.

4. Việc khai sinh, khai tử do pháp luật về hộ tịch quy định.

Điều 31. Quyền đối với quốc tịch

1. Cá nhân có quyền có quốc tịch.

2. Việc xác định, thay đổi, nhập, thôi, trở lại quốc tịch Việt Nam do Luật quốc tịch Việt Nam quy định.

...

LUẬT HỘ TỊCH NĂM 2014

Điều 15.

1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

2. Công chức tư pháp - hộ tịch thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc đăng ký khai sinh cho trẻ em trên địa bàn trong thời hạn quy định; trường hợp cần thiết thì thực hiện đăng ký khai sinh lưu động.

LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM NĂM 2008 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014:

Điều 15. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha mẹ là công dân Việt Nam

Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam.

Điều 16. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam

1. Trẻ em sinh ra trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam

mà khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người không quốc tịch hoặc có mẹ là công dân Việt Nam còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em khi sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì có quốc tịch Việt Nam, nếu có sự thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ vào thời điểm đăng ký khai sinh cho con. Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam.

Điều 17. Quốc tịch của trẻ em khi sinh ra có cha mẹ là người không quốc tịch

1. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có cha mẹ đều là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà khi sinh ra có mẹ là người không quốc tịch, nhưng có nơi thường trú tại Việt Nam, còn cha không rõ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

Điều 18. Quốc tịch của trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam

1. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, trẻ em được tìm thấy trên lãnh thổ Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai thì có quốc tịch Việt Nam.

2. Trẻ em quy định tại khoản 1 Điều này chưa đủ 15 tuổi không còn quốc tịch Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

a) Tìm thấy cha mẹ mà cha mẹ chỉ có quốc tịch nước ngoài;

b) Chỉ tìm thấy cha hoặc mẹ mà người đó chỉ có quốc tịch nước ngoài.

Câu hỏi số 33: Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 14 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.

Ngoài ra, các văn bản pháp luật về lĩnh vực y tế, bảo vệ sức khỏe cũng cụ thể hóa quyền chăm sóc sức khỏe của trẻ em, như: Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989, Luật khám, chữa bệnh năm 2009, v.v..

LUẬT BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN NĂM 1989:

Điều 46. Bảo vệ sức khỏe trẻ em

1- Trẻ em được y tế cơ sở quản lý sức khỏe, được tiêm chủng phòng bệnh, phòng dịch, được khám bệnh, chữa bệnh.

2- Ngành y tế có trách nhiệm phát triển, củng cố mạng lưới chăm sóc bảo vệ sức khỏe trẻ em.

3- Cha mẹ, người nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe và tiêm chủng theo kế hoạch của y tế cơ sở, chăm lo trẻ em khi đau ốm và thực hiện các quyết định của người thầy thuốc trong khám bệnh, chữa bệnh đối với trẻ em.

Điều 47. Chăm sóc trẻ em có khuyết tật

Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục có trách nhiệm tổ chức chăm sóc và áp dụng các biện pháp phục hồi chức năng cho trẻ em có khuyết tật.

LUẬT KHÁM, CHỮA BỆNH NĂM 2009:

Điều 3. Nguyên tắc trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

...

4. Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp cấp cứu, trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng, người từ đủ 80 tuổi trở lên, người có công với cách mạng, phụ nữ có thai.

...

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh

1. Ưu tiên bố trí ngân sách nhằm đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cơ bản của nhân dân. Quan tâm dành ngân sách cho việc chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng, trẻ em, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nhân dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

...

Câu hỏi số 34: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 15 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện.

Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật khác liên quan, đặc biệt là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng đề cập cụ thể về quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em, ví dụ: Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha mẹ có nghĩa vụ:

1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội;

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;

3. Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự;

4. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Câu hỏi số 35: Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 16 Luật trẻ em năm 2016 quy định về quyền này như sau:

- Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân.
- Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh.

Ngoài ra, các văn bản pháp luật khác, như: Hiến pháp năm 2013, Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, v.v. cũng quy định quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu của trẻ em.

HIẾN PHÁP NĂM 2013:

Điều 37

1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.

LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2005 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2009, 2014:

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Câu hỏi số 36: Quyền vui chơi, giải trí của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 17 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.

Quyền vui chơi, giải trí của trẻ em cũng được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật, như: Điều 84, Điều 92 Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, Điều 60 Luật thể dục, thể thao năm 2006, v.v..

Câu hỏi số 37: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc được quy định như thế nào đối với trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 18 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền:

- Được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc; được thừa nhận các quan hệ gia đình;

- Có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc,

phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.

Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014 cũng có những quy định đảm bảo giữ gìn, phát huy bản sắc trong giáo dục cho trẻ em, như: Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại và có hệ thống; coi trọng giáo dục tư tưởng và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý lứa tuổi của người học (khoản 1 Điều 5); Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác (khoản 2 Điều 7); Nội dung giáo dục đại học phải có tính hiện đại và phát triển, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa kiến thức khoa học cơ bản, ngoại ngữ và công nghệ thông tin với kiến thức chuyên môn và các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc; tương ứng với trình độ chung của khu vực và thế giới (khoản 1 Điều 40).

Câu hỏi số 38: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 19 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào và phải được bảo đảm an toàn, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Liên quan đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 quy định: Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một

tôn giáo nào. Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy (Điều 1). Như vậy, trẻ em là công dân Việt Nam cũng có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004.

PHÁP LỆNH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2004:

Điều 1

Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.

Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08-11-2012 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo:

Điều 2. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân, không ai được xâm phạm quyền tự do ấy.

Nghiêm cấm việc ép buộc công dân theo đạo, bỏ đạo hoặc lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh

dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 39: Quyền về tài sản của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 20 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật.

Trẻ em có quyền sở hữu tài sản, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định tại các điều 21, 55, 56, Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, giao dịch dân sự đối với tài sản của trẻ em phải tuân theo quy định về giao dịch tài sản của người chưa thành niên (thường là thông qua người đại diện theo pháp luật, người giám hộ) và Điều 75, 76, 77 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu hỏi số 40: Quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 21 Luật trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có quyền bí mật đời sống riêng tư như sau:

- Có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em;
- Được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.

Việc bảo vệ bí mật đời sống riêng tư của trẻ em còn được quy định tại Điều 38 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 125

Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 159 Bộ luật hình sự năm 2015) và các văn bản liên quan khác.

Câu hỏi số 41: Quyền được sống chung với cha, mẹ của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 22 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Khi phải cách ly cha, mẹ, trẻ em được trợ giúp để duy trì mối liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ, gia đình, trừ trường hợp không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Về quyền được sống chung với cha, mẹ của trẻ em, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan;

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con;

Câu hỏi số 42: Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 23 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được biết cha đẻ, mẹ đẻ, trừ trường hợp ảnh hưởng đến lợi ích tốt nhất của trẻ em; được duy trì mối liên hệ hoặc tiếp xúc với cả cha và mẹ khi trẻ em, cha, mẹ cư trú ở các quốc gia khác nhau hoặc khi bị giam giữ, trục xuất; được tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất cảnh, nhập cảnh để đoàn tụ với cha, mẹ; được bảo vệ không bị đưa ra nước ngoài trái quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin khi cha, mẹ bị mất tích.

Liên quan đến quyền được biết cha đẻ, mẹ đẻ, khoản 1 Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con có quyền nhận cha, mẹ của mình, kể cả trong trường hợp cha, mẹ đã chết.

Câu hỏi số 43: Trẻ em được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 24 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em được chăm sóc thay thế trong những trường hợp sau:

- Được chăm sóc thay thế khi không còn cha mẹ; không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em;

- Được nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

LUẬT NUÔI CON NUÔI NĂM 2010:

Điều 8. Người được nhận làm con nuôi

1. Trẻ em dưới 16 tuổi

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Được cha dưỡng, mẹ kế nhận làm con nuôi;
- b) Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.

3. Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

4. Nhà nước khuyến khích việc nhận trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác làm con nuôi.

Câu hỏi số 44: Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 25 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị xâm hại tình dục.

Việc bảo vệ trẻ em khỏi việc xâm hại tình dục bằng nhiều quy định pháp luật khác nhau, trong đó có cả những chế tài hình sự nghiêm khắc trừng trị những người có hành vi xâm hại tình dục trẻ em (quy định tại các điều 112, 114, 115, 116 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi các điều 142, 144, 145, 146 Bộ luật hình sự năm 2015)).

Câu hỏi số 45: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 26 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Pháp luật về lao động, hành chính, hình sự cũng có các quy định để bảo vệ trẻ em khỏi việc bóc lột lao động, ví dụ: Điều 3 Bộ luật lao động năm 2012, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 228 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 296 Bộ luật hình sự năm 2015), v.v..

Câu hỏi số 46: Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 27 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Như vậy, pháp luật cấm mọi cá nhân, tổ chức, kể cả cha, mẹ, người nuôi dưỡng trẻ em có hành vi gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần đối với trẻ em.

Bên cạnh đó, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có nghĩa vụ không được bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em. Nhà nước và cộng đồng có nhiều biện pháp bảo vệ trẻ em khỏi việc bị bỏ rơi, bỏ mặc, trong đó có cả việc xử lý bằng pháp luật hình sự (Điều 110, 151 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 140, 185 Bộ luật hình sự năm 2015)) đối với những tổ chức, cá nhân có hành vi bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em

Câu hỏi số 47: Quyền được bảo vệ để trẻ em không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 28 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt.

Để bảo vệ trẻ em, Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ

sung năm 2009 (được thay thế bởi Bộ luật hình sự năm 2015) quy định các hình phạt hình sự rất nghiêm khắc đối với hành vi mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ (xem thêm Câu hỏi số 28).

Câu hỏi số 48: Quyền được bảo vệ trẻ em khỏi chất ma túy được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 29 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức sử dụng, sản xuất, vận chuyển, mua, bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Bên cạnh đó, điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2008 còn quy định người chưa thành niên nghiện ma túy phải được bố trí vào các khu vực tách riêng với những người nghiện ma túy khác để quản lý và chữa bệnh.

Ngoài ra, việc lôi kéo, sử dụng trẻ em vào các công việc phạm pháp nêu trên sẽ bị trừng phạt theo quy định của Điều 194, 197, 198, 200 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi các điều 253, 255, 256, 257, 258 Bộ luật hình sự năm 2015).

Câu hỏi số 49: Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 30 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm quyền được bào chữa và tự bào chữa, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được trợ giúp pháp lý, được trình bày ý kiến, không bị tước quyền tự do trái pháp luật; không bị tra tấn, truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, gây áp lực về tâm lý và các hình thức xâm hại khác.

Câu hỏi số 50: Tính đến ngày 01-6-2016, cháu T đã 15 tuổi 07 tháng. Vào ngày 01-01-2016, cháu ký hợp đồng lao động vụ việc có thời gian 03 tháng với nội dung thuê cháu T cắt cỏ nuôi cá cho anh Nguyễn Hồng B với tiền công là 5 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, anh B đã không trả đủ tiền theo hợp đồng với cháu T với lý do cỏ mà cháu T cung cấp không theo đúng tiêu chuẩn đã thỏa thuận. Cháu T muốn khởi kiện vụ tranh chấp dân sự giữa cháu T và anh B. Vậy, cháu T có thể tự mình làm đơn khởi kiện được hay không?

Trả lời:

Theo Điều 2 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ hai Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự¹ về quyền khởi kiện vụ án, đối với cá nhân là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi không mất năng lực hành vi dân sự, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản riêng của mình thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án về tranh chấp có liên quan đến hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự đó...

Như vậy, theo quy định trên, cháu T có thể tự mình làm đơn khởi kiện vụ việc tranh chấp dân sự giữa cháu T và anh B.

1. Bộ luật này sẽ bị thay thế bởi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 kể từ ngày 01-7-2016, là ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành.

Câu hỏi số 51: Cháu Nguyễn Minh K, 14 tuổi có cha là ông Nguyễn Minh H đã mất và mẹ là Bà Hoàng Thị M bị Tòa án tuyên bố mất tích. Bà nội của cháu K gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nơi cháu K cư trú hồ sơ đề nghị cho cháu K được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng nhưng không được giải quyết. Vậy, pháp luật quy định như thế nào về người khởi kiện trong trường hợp nêu trên?

Trả lời:

Theo khoản 3 Điều 117 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01-7-2016), thì cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp đó phải ký tên hoặc điểm chỉ.

Câu hỏi số 52: Quyền của trẻ em được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 31 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được ưu tiên bảo vệ, trợ giúp dưới mọi hình thức để thoát khỏi tác động của thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang.

Luật phòng, chống thiên tai năm 2013 cũng quy định các biện pháp ưu tiên trong phòng, chống thiên tai liên quan đến các đối tượng dễ bị tổn thương, trong đó có trẻ em, như: ưu tiên sơ tán khỏi nơi nguy hiểm; ưu tiên trong cứu trợ, hỗ trợ, v.v.. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 4 Luật bảo vệ môi trường

năm 2014 quy định bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

Câu hỏi số 53: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 32 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em là công dân Việt Nam được bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội nơi trẻ em sinh sống và điều kiện của cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em.

Các quyền về an sinh xã hội được quy định tại Công ước số 102 về an sinh xã hội (những tiêu chuẩn tối thiểu) năm 1952 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).

Theo Công ước số 102 về an sinh xã hội (những tiêu chuẩn tối thiểu) năm 1952 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), an sinh xã hội có thể hiểu bao gồm:

- Chăm sóc y tế;
- Trợ cấp ốm đau;
- Trợ cấp thất nghiệp;
- Trợ cấp tuổi già;
- Trợ cấp trong trường hợp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;
- Trợ cấp gia đình;
- Trợ cấp thai sản;
- Trợ cấp tàn tật;
- Trợ cấp tiền tuất.

Câu hỏi số 54: Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 33 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp; có quyền tìm kiếm, thu nhận các thông tin dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật và được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em.

Quyền tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội của trẻ em còn được quy định ở các văn bản pháp luật khác, như: Luật tiếp cận thông tin năm 2016 (các điều 2, 4, 5, 6, 7), Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014 (Điều 85), v.v..

Câu hỏi số 55: Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 34 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng.

Câu hỏi số 56: Cháu Trần Hoàng N, 9 tuổi có thư gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo bày tỏ nguyện vọng được học ở trường những kiến thức thiết thực cho cuộc sống của cháu tại nông thôn? Trong trường hợp này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có phải phản hồi ý kiến của cháu N hay không?

Trả lời:

Theo quy định của Điều 33 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em

có quyền được bày tỏ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan đến trẻ em (trong đó có việc học tập). Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải lắng nghe và phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em. Do đó, trong trường hợp này, Bộ Giáo dục và Đào tạo phải phản hồi ý kiến của cháu ở hình thức thích hợp (qua thư, gặp gỡ trực tiếp hoặc hình thức khác).

Câu hỏi số 57: Quyền của trẻ em khuyết tật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 35 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội.

Các quyền cụ thể của trẻ em khuyết tật được quy định ở các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau, như: Bộ luật dân sự năm 2015, Luật người khuyết tật năm 2010, Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014, v.v..

LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2010:

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về người khuyết tật

...

3. Bảo trợ xã hội; trợ giúp người khuyết tật trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng và công nghệ thông tin, tham gia giao thông; ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em, người cao tuổi.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

...

2. Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng, trẻ em khuyết tật, người cao tuổi khuyết tật, phụ nữ khuyết tật có thai theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

...

Điều 44. Trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng

1. Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng bao gồm:

a) Người khuyết tật đặc biệt nặng, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 của Luật này;

b) Người khuyết tật nặng.

2. Đối tượng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng bao gồm:

...

3. Người khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều này là trẻ em, người cao tuổi được hưởng mức trợ cấp cao hơn đối tượng khác cùng mức độ khuyết tật.

...

Câu hỏi số 58: Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 36 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em không quốc tịch cư trú tại Việt Nam, trẻ em lánh nạn, tị nạn được bảo vệ và hỗ trợ nhân đạo, được tìm kiếm cha, mẹ, gia đình theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Quyền của trẻ em không quốc tịch còn được quy định tại Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, Bộ luật dân sự năm 2015, v.v..

LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM NĂM 2008 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014

Điều 3. Giải thích từ ngữ

...

2. Người không quốc tịch là người không có quốc tịch Việt Nam và cũng không có quốc tịch nước ngoài.

...

BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015:

Điều 760. Căn cứ áp dụng pháp luật đối với người không quốc tịch, người nước ngoài có hai hay nhiều quốc tịch nước ngoài

1. Trong trường hợp Bộ luật này hoặc các văn bản pháp luật khác của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật của nước mà người nước ngoài là công dân thì pháp luật áp dụng đối với người không quốc tịch là pháp luật của nước nơi người đó cư trú; nếu người đó không có nơi cư trú thì áp dụng pháp luật Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

...

Tị nạn hay tị nạn là một trường hợp phải chạy trốn qua một xứ khác, nơi khác để thoát cảnh hiểm nguy, ngược đãi, hoặc bắt bớ bởi một quyền lực ở chốn cư ngụ. Người tị nạn là người thực hiện hành động tị nạn (tránh nạn) đó.

Lánh nạn là tránh đi để khỏi gặp tai nạn (do chiến tranh, thiên tai, v.v..).

Mục II

Bổn phận của trẻ em

Câu hỏi số 59: Trẻ em có bổn phận gì đối với gia đình?

Trả lời:

Theo Điều 37 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em phải:

1. Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ;

2. Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ

giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

Bên cạnh đó, bổn phận của trẻ em còn được quy định tại Điều 70 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, theo đó, trẻ em có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình; tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Câu hỏi số 60: Trẻ em có bổn phận gì đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác?

Trả lời:

Theo Điều 38 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em phải:

1. Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác;
2. Thương yêu, đoàn kết, chia sẻ khó khăn, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè;
3. Rèn luyện đạo đức, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục khác;
4. Giữ gìn, bảo vệ tài sản và chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.

Về bổn phận (nghĩa vụ) của trẻ em trong nhà trường, Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014 quy định trẻ em có nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục khác; tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường, cơ sở giáo dục khác; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù

hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, cơ sở giáo dục khác; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, cơ sở giáo dục khác (Điều 85). Cùng với đó, trẻ em không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên của cơ sở giáo dục và người học khác; gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; gây rối an ninh, trật tự trong cơ sở giáo dục và nơi công cộng (Điều 88).

Câu hỏi số 61: Em Nguyễn Văn KH thường xuyên trốn học đi chơi điện tử. Như vậy, em KH có vi phạm bốn phạm của trẻ em với gia đình và nhà trường hay không?

Trả lời:

Việc em Nguyễn Văn KH thường xuyên trốn học đi chơi điện tử là không rèn luyện, học tập, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình; không thực hiện nhiệm vụ học tập, không chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường. Do đó, em KH đã vi phạm bốn phạm của trẻ em theo quy định của Điều 27, Điều 38 Luật trẻ em năm 2016 và Điều 85 Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014.

Câu hỏi số 62: Trẻ em có bốn phạm gì đối với cộng đồng, xã hội?

Trả lời:

Theo Điều 39 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em phải:

1. Tôn trọng, lễ phép với người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ, người gặp hoàn cảnh khó khăn phù hợp với khả năng, sức khỏe, độ tuổi của mình;
2. Tôn trọng quyền, danh dự, nhân phẩm của người khác; chấp hành quy định về an toàn giao thông và trật tự, an

toàn xã hội; bảo vệ, giữ gìn, sử dụng tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường phù hợp với khả năng và độ tuổi của trẻ em;

3. Phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật.

Câu hỏi số 63: Em Hoàng Q, 15 tuổi trong một lần đi chơi cùng với bạn bè tại Công viên Thiên Thai đã nhìn thấy một nam thanh niên lén lút bán ma túy cho một số thanh niên khác. Vì mãi chơi, em Q không báo sự việc này với các cơ quan chính quyền cũng như những người có trách nhiệm khác. Vậy, em Q có vi phạm bổn phận trẻ em hay không?

Trả lời:

Hành vi buôn bán, sử dụng chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự (hành vi phạm tội được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Bộ luật hình sự năm 2015)). Việc em Hoàng Q không tố giác các đối tượng này là vi phạm bổn phận trẻ em theo quy định của Điều 39 Luật trẻ em năm 2016.

Câu hỏi số 64: Trẻ em có bổn phận gì đối với quê hương, đất nước?

Trả lời:

Điều 44 Hiến pháp năm 2013 quy định Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Do đó, trẻ em với tư cách là công dân Việt Nam phải có bổn phận trung thành với Tổ quốc, yêu quê hương, đất nước.

Cụ thể hóa bổn phận của trẻ em với quê hương, đất nước, Điều 40 Luật trẻ em năm 2016 quy định trẻ em phải:

1. Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng truyền thống lịch sử dân

tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước;

2. Tuân thủ và chấp hành pháp luật; đoàn kết, hợp tác, giao lưu với bạn bè, trẻ em quốc tế phù hợp với độ tuổi và từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

Câu hỏi số 65: Trẻ em có bốn phận gì đối với bản thân?

Trả lời:

Theo Điều 41 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em phải:

1. Có trách nhiệm với bản thân; không hủy hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân;

2. Sống trung thực, khiêm tốn; giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể;

3. Chăm chỉ học tập, không tự ý bỏ học, không rời bỏ gia đình sống lang thang;

4. Không đánh bạc; không mua, bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác;

5. Không sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy; không sử dụng đồ chơi hoặc chơi trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.

Câu hỏi số 66: Trẻ em sống có trách nhiệm với bản thân được hiểu như thế nào?

Trả lời:

Pháp luật không quy định cụ thể sống có trách nhiệm với bản thân là như thế nào. Tuy nhiên, tổng hợp các quy định pháp luật liên quan và các quy chuẩn đạo đức, xã hội thì có thể hiểu trẻ em sống có trách nhiệm với bản thân là:

- Sống có lý tưởng, mục đích đúng đắn, tốt đẹp phù hợp với đạo lý;

- Biết yêu thương gia đình, quê hương, đất nước;

- Luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, sức khỏe để trở thành một công dân hữu ích;
- Có nếp sống nghiêm túc, quy củ;
- Biết kiềm chế những ham muốn vật chất; biết tránh xa các thói hư tật xấu;
- Không cho phép mình có những lời nói và hành động sai lầm hoặc thiếu văn hóa;
- Biết kính trên nhường dưới, có lòng tự trọng, có ý chí và nghị lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thử thách để biến ước mơ thành hiện thực, tạo dựng cho mình một tương lai tươi sáng.

Câu hỏi số 67: Em Nguyễn Thị H sinh ngày 01-01-2001. Ngày 15-3-2016, em H cùng một số thanh niên mua chất ma túy đá (meth) để sử dụng và bị bắt quả tang. Hành vi của em H có vi phạm pháp luật hay không?

Trả lời:

Em Nguyễn Thị H sinh ngày 01-01-2001, tính đến ngày 15-3-2016 em H đã 15 tuổi 03 tháng 15 ngày. Em H là trẻ em theo quy định của Luật trẻ em năm 2016, nên hành vi của em H là vi phạm bốn phần trẻ em.

Bên cạnh đó, theo Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015), em H đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (được thay thế bởi Điều 254 Bộ luật hình sự năm 2015). Do đó, trong trường hợp này các cơ quan pháp luật sẽ căn cứ vào tình tiết cụ thể của vụ việc để xem xét có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với em H.

Chương III

CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

Câu hỏi số 68: Nhà nước có những quy định bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em như thế nào?

Trả lời:

Nhà nước có những quy định bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em tại Điều 42 Luật trẻ em năm 2016 như sau:

1. Nhà nước có chính sách trợ cấp, trợ giúp, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo độ tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

2. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia trợ giúp, chăm sóc trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ về đất đai, thuế, tín dụng cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 69: Em Nguyễn Văn E 10 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, hiện chưa có người nuôi dưỡng. Như vậy, em E có được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng theo quy định về bảo trợ xã hội hay không?

Trả lời:

Theo Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21-10-2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (gọi tắt là Nghị định số 136/2013/NĐ-CP) thì trẻ em được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, gồm:

Thứ nhất, trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;

c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;

d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Thứ hai, trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo;

Thứ ba, trẻ em khuyết tật thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

Đối chiếu với quy định của Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP nêu trên thì em Nguyễn Văn E được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

Câu hỏi số 70: Mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với trẻ em thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là bao nhiêu?

Trả lời:

Theo Điều 6 của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP thì mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với trẻ em thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng như sau:

1. Hệ số 2,5 x 270.000 đồng đối với trẻ em dưới 04 tuổi, hệ số 1,5 x 270.000 đồng đối với đối tượng từ 04 tuổi trở lên không có nguồn nuôi dưỡng thuộc diện:

a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

b) Mồ côi cả cha và mẹ;

c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;

d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;

g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trường hợp trẻ em thuộc diện hưởng các mức theo hệ số khác nhau theo quy định nêu trên thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

2. Hệ số 2,5 x 270.000 đồng đối với đối tượng trẻ em dưới 04 tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo, hệ số 2,0 x 270.000 đồng đối với trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo.

3. Trẻ em khuyết tật được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10-4-2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

Câu hỏi số 71: Hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em gồm những giấy tờ nào?

Trả lời:

Theo Điều 7 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, thì Hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em gồm:

1. Tờ khai của đối tượng theo mẫu tại Thông tư tiên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24-10-2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

2. Bản sao sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc văn bản xác nhận của công an xã, phường, thị trấn.

3. Bản sao giấy khai sinh của trẻ em.

4. Giấy tờ xác nhận bị nhiễm HIV của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV.

Câu hỏi số 72: Thủ tục đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hằng tháng được quy định như sau:

a) Đối tượng hoặc người giám hộ của đối tượng làm hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP¹ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội (sau đây gọi chung là Hội đồng xét duyệt) thực hiện xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 07 ngày, trừ những thông tin liên quan đến HIV của đối tượng.

Khi hết thời gian niêm yết, nếu không có khiếu nại thì Hội đồng xét duyệt bổ sung biên bản họp kết luận của Hội đồng xét duyệt vào hồ sơ của đối tượng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Hội đồng xét duyệt kết luận và công khai về vấn đề khiếu nại, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

1. Xem Câu hỏi số 71 để rõ thêm về Hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản (kèm theo hồ sơ của đối tượng) gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định trợ cấp xã hội cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Thời gian hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng kể từ tháng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng.

Câu hỏi số 73: Nhà nước có những chính sách gì để bảo đảm về chăm sóc sức khỏe trẻ em?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 37 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Cụ thể hóa quy định về nhiệm vụ chăm sóc trẻ em của Nhà nước, Điều 43 Luật trẻ em năm 2016 quy định Nhà nước có những chính sách để bảo đảm về chăm sóc sức khỏe trẻ em sau đây:

1. Nhà nước có chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ để hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ

em được chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

2. Nhà nước bảo đảm thực hiện các biện pháp theo dõi sức khỏe định kỳ cho phụ nữ mang thai và trẻ em theo độ tuổi; chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe ban đầu và tiêm chủng cho trẻ em; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi theo quy định của pháp luật;

3. Ưu tiên tư vấn, bảo vệ, chăm sóc về sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con dưới 36 tháng tuổi và trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi, trẻ em bị xâm hại phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ;

4. Nhà nước có chính sách, biện pháp tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, đặc biệt là tử vong trẻ sơ sinh; xóa bỏ phong tục, tập quán có hại, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em;

5. Nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế phù hợp với độ tuổi, nhóm đối tượng và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ;

6. Nhà nước có chính sách, biện pháp để trẻ em được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh và điều kiện vệ sinh cơ bản, bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

7. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân ủng hộ, đầu tư nguồn lực để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Câu hỏi số 74: Nhà nước có những chính sách gì để bảo đảm về giáo dục cho trẻ em?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 37 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Cụ thể hóa về nhiệm vụ giáo dục trẻ em Nhà nước, Điều 44 Luật trẻ em năm 2016 quy định Nhà nước có những chính sách để bảo đảm về giáo dục cho trẻ em như sau:

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học, giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học; có chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục phổ cập, giáo dục hòa nhập, được học nghề và giới thiệu việc làm phù hợp với độ tuổi và pháp luật về lao động;

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, bảo đảm công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật; có chính sách miễn, giảm học phí cho từng nhóm đối tượng trẻ em phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ;

3. Chương trình, nội dung giáo dục phải phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm đối tượng trẻ em, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và yêu cầu hội nhập; chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và phát triển nhân cách, kỹ năng sống, tài năng, năng khiếu của trẻ em; giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cho trẻ em;

4. Nhà nước quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường;

5. Nhà nước có chính sách phù hợp để phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và chính sách hỗ trợ để trẻ em trong độ tuổi được giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; khuyến khích, thu hút các nguồn đầu tư khác để phát triển giáo dục, đào tạo.

Câu hỏi số 75: Nhà nước có những chính sách gì nhằm bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch cho trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 45 Luật trẻ em năm 2016, Nhà nước có những chính sách để bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch cho trẻ em như sau:

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn hóa nghệ thuật; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở cho trẻ em; có chính sách ưu tiên trẻ em khi sử dụng dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch và tham quan di tích, thắng cảnh;

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em; bảo đảm điều kiện, thời gian, thời điểm thích hợp để trẻ em được tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;

3. Nhà nước tạo điều kiện để trẻ em giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc, văn hóa tốt đẹp và được sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình;

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia ủng hộ, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ trẻ em vui chơi, giải trí; khuyến khích sáng tạo, sản xuất đồ chơi, trò chơi cho trẻ em bảo đảm an toàn, lành mạnh, mang bản sắc văn hóa dân tộc.

Câu hỏi số 76: Nhà nước có những chính sách gì hỗ trợ xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ trẻ em?

Trả lời:

Theo điểm b khoản 2 Điều 7 Luật xuất bản năm 2012, Nhà nước có thể đặt hàng để có bản thảo và xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ thiếu niên, nhi đồng.

Câu hỏi số 77: Nhà nước có những chính sách gì bảo đảm thông tin, truyền thông cho trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 46 Luật trẻ em năm 2016, Nhà nước có những chính sách bảo đảm thông tin, truyền thông cho trẻ em như sau:

1. Nhà nước bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, tìm hiểu, học tập, trao đổi kiến thức qua các kênh thông tin, truyền thông phù hợp;

2. Các cơ quan thông tin, xuất bản phải dành tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng phát thanh, truyền hình, ấn phẩm phù hợp cho trẻ em. Thông tin, đồ chơi, trò chơi, chương trình phát thanh, truyền hình, nghệ thuật, điện ảnh có nội dung không phù hợp với trẻ em phải thông báo hoặc ghi rõ độ tuổi trẻ em không được sử dụng;

3. Nhà nước khuyến khích phát triển thông tin, truyền thông phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ em; sản xuất, đăng tải nội dung, thông tin với thời lượng thích hợp cho trẻ em dân tộc thiểu số.

Chương IV

BẢO VỆ TRẺ EM

Mục 1. Cấp độ bảo vệ trẻ em và trách nhiệm thực hiện

Câu hỏi số 78: Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 có những nội dung gì?

Trả lời:

Theo Mục III Điều 1 Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22-12-2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương

trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020, nội dung chính của Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn này là:

1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và bản thân trẻ em.

a) Tổ chức các chiến dịch truyền thông về bảo vệ trẻ em theo chủ đề nhằm thu hút sự tham gia của xã hội về bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các chương trình, sản xuất các tài liệu, sản phẩm truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

c) Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục về bảo vệ trẻ em phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn dân cư. Tổ chức các hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, trong trường học về kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và bản thân trẻ em.

2. Củng cố hệ thống tổ chức, nhân lực và nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

a) Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của ban chỉ đạo, ban điều hành, nhóm công tác liên ngành về bảo vệ trẻ em, nhóm trẻ em nòng cốt ở các tỉnh, huyện, xã; củng cố đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, đặc biệt là cấp xã; xây dựng và thực hiện đề án phát triển đội ngũ cộng tác viên ở cơ sở đáp ứng với nhu cầu của công tác bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu, xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công chức, viên chức trong hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thành viên của các ban chỉ đạo, ban điều hành, nhóm công tác liên ngành về bảo vệ trẻ em các cấp, đội ngũ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

c) Tổ chức trao đổi, chia sẻ, học tập kinh nghiệm trong nước và ngoài nước về xây dựng hệ thống bảo vệ trẻ em, về mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

3. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chuyên nghiệp, có đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu cần sự bảo vệ của mọi trẻ em.

a) Xây dựng các loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, bao gồm cả cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập đáp ứng yêu cầu của công tác bảo vệ trẻ em;

b) Nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thành lập, hoạt động và giải thể của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

c) Xây dựng danh mục tiêu chuẩn, quy trình tiếp nhận và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em. Tổ chức tiếp nhận và quản lý trường hợp đối với trẻ em cần sự can thiệp, trợ giúp để đáp ứng kịp thời việc cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em hiệu quả.

4. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện Chương trình.

a) Xây dựng bộ chỉ tiêu theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi thông tin về bảo vệ trẻ em tích hợp với hệ thống thống kê dữ liệu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

b) Tổ chức khảo sát đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ về kết quả thực hiện Chương trình.

5. Nâng cao năng lực, hoàn thiện thể chế về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính.

a) Biên soạn, xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn cho đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp làm việc với trẻ em và người chưa thành niên trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính;

b) Nghiên cứu, đề xuất việc áp dụng các biện pháp bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em có liên quan đến quá trình tố

tụng và xử lý vi phạm hành chính, chú trọng các biện pháp xử lý không chính thức; xây dựng mô hình phòng ngừa, quản lý, giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật tại cộng đồng;

c) Duy trì và mở rộng mô hình phòng điều tra, xét xử thân thiện đối với trẻ em.

Câu hỏi số 79: Các yêu cầu đối với việc bảo vệ trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 47 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em được bảo vệ theo các yêu cầu sau đây:

1. Bảo vệ trẻ em được thực hiện theo ba cấp độ:

a) Phòng ngừa;

b) Hỗ trợ;

c) Can thiệp;

2. Bảo vệ trẻ em phải bảo đảm tính hệ thống, tính liên tục, có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

3. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em. Việc bảo vệ trẻ em phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

4. Trẻ em được ưu tiên bảo vệ tại gia đình, gia đình nhận chăm sóc thay thế. Việc đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội là biện pháp tạm thời khi các hình thức chăm sóc tại gia đình, gia đình nhận chăm sóc thay thế không thực hiện được hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em;

5. Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em phải được cung cấp thông tin, được tham gia ý kiến với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong việc ra quyết định can thiệp, hỗ trợ để bảo vệ trẻ em;

6. Coi trọng phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; kịp thời can thiệp, giải quyết để giảm thiểu hậu quả; tích cực hỗ trợ để phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Câu hỏi số 80: Thế nào là bảo vệ trẻ em theo cấp độ phòng ngừa?

Trả lời:

Theo Điều 48 Luật trẻ em năm 2016, cấp độ phòng ngừa gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với cộng đồng, gia đình và mọi trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Các biện pháp bảo vệ trẻ em theo cấp độ phòng ngừa bao gồm:

a) Tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;

b) Cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em về trách nhiệm bảo vệ trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em;

c) Trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ để bảo đảm trẻ em được an toàn;

d) Giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em;

đ) Xây dựng môi trường sống an toàn và phù hợp với trẻ em.

Câu hỏi số 81: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện M, tỉnh BH thực hiện đợt phát tờ rơi cho học sinh tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trong huyện về các biện pháp giúp trẻ em phòng tránh việc xâm hại. Hoạt động này có phải là thực hiện bảo vệ trẻ em theo cấp độ phòng ngừa hay không?

Trả lời:

Theo điểm a khoản 2 Điều 48 Luật trẻ em năm 2016, một trong những biện pháp bảo vệ trẻ em theo cấp độ phòng ngừa là “Tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi”. Do đó, việc Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện M, tỉnh BH thực hiện đợt phát tờ rơi cho học sinh tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trong huyện về các biện pháp giúp trẻ em phòng tránh việc xâm hại chính là thực hiện biện pháp bảo vệ trẻ em ở cấp độ phòng ngừa.

Câu hỏi số 82: Thế nào là bảo vệ trẻ em theo cấp độ hỗ trợ?

Trả lời:

Theo Điều 49 Luật trẻ em năm 2016, bảo vệ trẻ em theo cấp độ hỗ trợ bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em.

Các biện pháp bảo vệ trẻ em theo cấp độ hỗ trợ bao gồm:

a) Cảnh báo về nguy cơ trẻ em bị xâm hại; tư vấn kiến thức, kỹ năng, biện pháp can thiệp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ xâm hại trẻ em cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch

vụ bảo vệ trẻ em và trẻ em nhằm tạo lập lại môi trường sống an toàn cho trẻ em có nguy cơ bị xâm hại;

b) Tiếp nhận thông tin, đánh giá mức độ nguy hại, áp dụng các biện pháp cần thiết để hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;

c) Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật trẻ em năm 2016;

d) Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn trợ giúp khác nhằm cải thiện điều kiện sống cho trẻ em.

Câu hỏi số 83: Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp tỉnh B thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc xây dựng hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em dưới 16 tuổi trong tỉnh không có nguồn nuôi dưỡng theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP. Vậy, hoạt động này của Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp tỉnh B có phải là bảo vệ trẻ em ở cấp độ hỗ trợ hay không?

Trả lời:

Theo điểm d khoản 2 Điều 49 Luật trẻ em năm 2016, việc thực hiện bảo vệ trẻ em ở cấp độ hỗ trợ gồm cả việc trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội. Vì vậy, việc Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp tỉnh B thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc xây dựng hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em dưới 16 tuổi trong tỉnh không có nguồn nuôi dưỡng theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP cũng là biện pháp bảo vệ trẻ em ở cấp độ hỗ trợ.

Câu hỏi số 84: Thế nào là bảo vệ trẻ em theo cấp độ can thiệp?

Trả lời:

Theo Điều 50 Luật trẻ em năm 2016, bảo vệ trẻ em theo cấp độ can thiệp bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp

dụng đối với trẻ em và gia đình trẻ em bị xâm hại nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại; hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ can thiệp bao gồm:

a) Chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý, phục hồi thể chất và tinh thần cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần can thiệp;

b) Bố trí nơi tạm trú an toàn, cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe dọa hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em;

c) Bố trí chăm sóc thay thế tạm thời hoặc lâu dài cho trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật trẻ em năm 2016;

d) Đoàn tụ gia đình, hòa nhập trường học, cộng đồng cho trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;

đ) Tư vấn, cung cấp kiến thức cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên gia đình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về trách nhiệm và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc, giáo dục hòa nhập cho trẻ em thuộc nhóm đối tượng này;

e) Tư vấn, cung cấp kiến thức pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

g) Các biện pháp hỗ trợ trẻ em bị xâm hại và gia đình của trẻ em quy định tại khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44 và điểm d khoản 2 Điều 49 Luật trẻ em năm 2016;

h) Theo dõi, đánh giá sự an toàn của trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại.

Câu hỏi số 85: Cháu Nguyễn Hoàng Q, 14 tuổi thường xuyên bị bố cháu là anh Nguyễn Hoàng C bạo hành, nhiều lần đánh cháu gây thâm tím thân thể. Vậy, trong trường hợp này có thể áp dụng biện pháp bảo vệ trẻ em theo cấp độ can thiệp bằng việc cách ly anh Nguyễn Hoàng C khỏi cháu Nguyễn Hoàng Q hay không?

Trả lời:

Hành vi của anh Nguyễn Hoàng C đối với cháu Nguyễn Hoàng C là hành vi bạo lực gia đình. Theo Điều 19 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, một trong những biện pháp ngăn chặn, bảo vệ nạn nhân của bạo lực gia đình là cấm người có hành vi bạo hành đến gần nạn nhân. Bên cạnh đó, trường hợp cháu C là trẻ em nên đây cũng là biện pháp hỗ trợ trẻ theo cấp độ can thiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều 50 Luật trẻ em năm 2016.

Như vậy, theo Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 và Luật trẻ em năm 2016, việc cách ly anh Nguyễn Hoàng C khỏi cháu Nguyễn Hoàng Q hoàn toàn có thể áp dụng. Thủ tục áp dụng biện pháp cấm người có hành vi bạo hành đến gần nạn nhân được thực hiện do cơ quan hành chính hoặc Tòa án áp dụng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tố tụng hình sự tùy theo mức độ vi phạm của anh Nguyễn Hoàng C.

Câu hỏi số 86: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 51 Luật trẻ em năm 2016, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em gồm:

1. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi đến cơ quan có thẩm quyền;

2. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan công an các cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác; phối hợp xác minh, đánh giá, điều tra về hành vi xâm hại, tình trạng mất

an toàn hoặc gây tổn hại, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em;

3. Chính phủ thiết lập tổng đài điện thoại quốc gia thường trực để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em; quy định quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.

Câu hỏi số 87: Bà Nguyễn Thị G 45 tuổi là hàng xóm của gia đình chị Trần Thu V. Bà G biết được vợ chồng chị V thường xuyên vắng nhà và để cháu K, 8 tuổi, con đẻ của vợ chồng chị V ở nhà một mình bữa đói, bữa no, thậm chí có bữa cháu không được ăn. Do nề tính hàng xóm và không muốn va chạm với vợ chồng chị V nên bà G đã không trình báo sự việc này với các cơ quan chính quyền. Vậy, trong trường hợp này bà G có vi phạm pháp luật hay không?

Trả lời:

Theo khoản 9 Điều 4 Luật trẻ em năm 2016, việc không chăm sóc đầy đủ, bỏ đói cháu K của vợ chồng chị Trần Thu V là hành vi bỏ rơi trẻ em.

Bên cạnh đó, Điều 51 Luật trẻ em năm 2016 quy định công dân có trách nhiệm thông tin, thông báo, tố giác hành vi bỏ rơi trẻ em. Do đó, việc bà Nguyễn Thị G nhìn, biết được việc bỏ rơi con của vợ chồng chị Trần Thu V, nhưng không trình báo với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân xã là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.

Câu hỏi số 88: Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp để bảo vệ trẻ em do cơ quan, tổ chức nào xây dựng và trong trường hợp như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 52 Luật trẻ em năm 2016, kế hoạch hỗ trợ,

can thiệp được xây dựng để tổ chức thực hiện một hoặc nhiều biện pháp ở cấp độ hỗ trợ, cấp độ can thiệp quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật trẻ em năm 2016 áp dụng với từng trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em để tổ chức xây dựng, phê duyệt, triển khai kế hoạch hỗ trợ, can thiệp; bố trí nguồn lực, phân công cá nhân, tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

Đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế.

Câu hỏi số 89: Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm gì?

Trả lời:

Theo Điều 53 Luật trẻ em năm 2016, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã có trách nhiệm sau đây:

1. Đánh giá nguy cơ và xác định các nhu cầu của trẻ em cần được bảo vệ;
2. Tham gia quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;
3. Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ

em, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, pháp lý và các nguồn trợ giúp khác;

4. Tư vấn kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho trẻ em, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình, cộng đồng;

5. Kiến nghị biện pháp chăm sóc thay thế và theo dõi quá trình thực hiện;

6. Hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng đối với trẻ em vi phạm pháp luật.

Câu hỏi số 90: Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng thuộc về cơ quan, tổ chức nào?

Trả lời:

Theo Điều 54 Luật trẻ em năm 2016, trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng thuộc về các cơ quan sau:

1. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Mục 2. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

Câu hỏi số 91: Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em gồm những loại hình nào?

Trả lời:

Theo Điều 55 Luật trẻ em năm 2016, các loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em gồm:

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em là cơ sở do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật; có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoặc phối hợp, hỗ trợ thực hiện một hoặc một số biện pháp bảo vệ trẻ em theo cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp được quy định tại các điều 48, 49 và 50 của Luật trẻ em năm 2016 (Xem nội dung của các cấp độ bảo vệ trẻ em tại Câu hỏi số 78, Câu hỏi số 80 và Câu hỏi số 82);

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được tổ chức theo loại hình cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập;

3. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em bao gồm:

a) Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

b) Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

Câu hỏi số 92: Việc thành lập, đăng ký hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em phải bảo đảm những điều kiện nào?

Trả lời:

Theo Điều 56 Luật trẻ em năm 2016, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được thành lập, đăng ký hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có tôn chỉ, mục đích hoạt động vì lợi ích tốt nhất của trẻ em;

2. Có nội dung hoạt động nhằm thực hiện một hoặc nhiều biện pháp bảo vệ trẻ em quy định tại các điều 48, 49 và 50 của Luật trẻ em năm 2016 (Xem nội dung của các cấp độ bảo vệ trẻ em tại Câu hỏi số 80, Câu hỏi số 82 và Câu hỏi số 84);

3. Có người đại diện là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức, am hiểu về trẻ em và bảo vệ trẻ em, không bị truy cứu trách

nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính về các hành vi xâm hại trẻ em;

4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn tài chính, nguồn nhân lực đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu, phạm vi hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu hỏi số 93: Những cơ quan nào có thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 57 Luật trẻ em năm 2016, cơ quan có thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em gồm:

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập thuộc thẩm quyền quản lý và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; xây dựng quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em thuộc lĩnh vực quản lý và kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động trong địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch chung các loại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế;

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động trong địa bàn huyện.

Câu hỏi số 94: Hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em phải bảo đảm những điều kiện gì?

Trả lời:

Theo Điều 58 Luật trẻ em năm 2016, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động theo nội dung đã đăng ký và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Các yêu cầu quy định tại Điều 47 của Luật trẻ em năm 2016;

b) Tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Thực hiện việc tiếp nhận, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và chuyển giao trẻ em, kết quả cung cấp dịch vụ cho trẻ em giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em;

d) Chịu sự hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến trẻ em bị xâm hại, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được tiếp nhận hỗ trợ tài chính, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em.

Câu hỏi số 95: Hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em bị đình chỉ, chấm dứt hoạt động trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 59 Luật trẻ em năm 2016 thì việc đình chỉ,

chấm dứt hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được quy định như sau:

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em vi phạm một trong các nội dung sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị đình chỉ, chấm dứt hoạt động hoặc đình chỉ, chấm dứt một phần hoạt động:

a) Không bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật trẻ em năm 2016 hoặc quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực mà cơ sở hoạt động;

b) Vi phạm nghiêm trọng quyền của trẻ em;

c) Sử dụng kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất sai mục đích;

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em sẽ bị chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt một phần hoạt động khi hết thời hạn đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân và hậu quả dẫn đến việc bị đình chỉ;

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký hoạt động cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có quyền đình chỉ, chấm dứt hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em đó.

Mục 3. Chăm sóc thay thế

Câu hỏi số 96: Việc thực hiện chăm sóc thay thế phải bảo đảm các yêu cầu nào?

Trả lời:

Theo Điều 60 Luật trẻ em năm 2016, việc thực hiện chăm sóc thay thế phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Phải dựa trên nhu cầu, hoàn cảnh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ của trẻ em và bảo đảm quyền của trẻ em;

2. Bảo đảm an toàn cho trẻ em, bảo đảm ổn định, liên tục và gắn kết giữa trẻ em với người chăm sóc trẻ em;

3. Phải xem xét ý kiến, nguyện vọng, tình cảm, thái độ

của trẻ em tùy theo độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em; trường hợp trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên phải lấy ý kiến của trẻ em;

4. Ưu tiên trẻ em được chăm sóc thay thế bởi người thân thích. Trường hợp trẻ em có anh, chị, em ruột thì được ưu tiên sống cùng nhau;

5. Bảo đảm duy trì liên hệ, đoàn tụ giữa trẻ em với cha, mẹ, các thành viên khác trong gia đình khi đủ điều kiện, trừ trường hợp việc liên hệ, đoàn tụ không bảo đảm an toàn, không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Câu hỏi số 97: Chăm sóc thay thế gồm những hình thức nào?

Trả lời:

Theo Điều 61 Luật trẻ em năm 2016, việc thực hiện chăm sóc thay thế gồm những hình thức sau:

1. Chăm sóc thay thế bởi người thân thích;
2. Chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải là người thân thích;
3. Chăm sóc thay thế bằng hình thức nhận con nuôi.

Việc nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi (Luật nuôi con nuôi năm 2010, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21-3-2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi và các văn bản pháp luật liên quan);

4. Chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội.

Câu hỏi số 98: Cháu Trần Thị Minh H được Tòa án huyện K quyết định giao cho con gái cả của bà Nguyễn Xuân Q là chị Đào Thị D chăm sóc thay thế. Bà Q là chị gái ruột của mẹ cháu Trần Thị Minh H. Vậy, giao cháu H cho chị D chăm sóc có thuộc trường hợp giao cho người thân thích chăm sóc thay thế hay không?

Trả lời:

Theo khoản 19 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, *người thân thích* là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời.

Vì quan hệ giữa chị D và cháu H mới ở phạm vi đời thứ ba trong quan hệ họ hàng. Do đó, giao cháu H cho chị D chăm sóc thay thế là hình thức chăm sóc thay thế bởi người thân thích quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật trẻ em năm 2016.

Câu hỏi số 99: Trong những trường hợp nào thì trẻ em thuộc diện cần được chăm sóc thay thế?

Trả lời:

Theo Điều 62 Luật trẻ em năm 2016, các trường hợp trẻ em cần chăm sóc thay thế gồm:

1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa;
2. Trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em;
3. Trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ;
4. Trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ.

Câu hỏi số 100: Em Hoàng Ph 11 tuổi có cha mất được hai năm do tai nạn và mẹ bị tâm thần, ông bà nội, ngoại cũng đã mất, không có ai nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo quy định của Luật trẻ em năm 2016, em Ph có thuộc diện trẻ em không nơi nương tựa, cần chăm sóc thay thế hay không?

Trả lời:

Pháp luật hiện hành không có quy định cụ thể người không nơi nương tựa là như thế nào. Tuy nhiên, theo cách

hiếu thông thường thì người không nơi nương tựa là người không có ai để nhờ vả, dựa vào khi đang trong hoàn cảnh khó khăn.

Trường hợp cháu Hoàng Ph là trẻ em và đang không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng nên thuộc diện trẻ em không nơi nương tựa. Theo Luật trẻ em năm 2016 thì cần được áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế.

Câu hỏi số 101: Việc chăm sóc thay thế phải bảo đảm điều kiện gì?

Trả lời:

Theo Điều 63 Luật trẻ em năm 2016, việc chăm sóc thay thế phải bảo đảm điều kiện sau đây:

1. Việc quyết định giao chăm sóc thay thế phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 60 của Luật trẻ em năm 2016 (Xem thêm số 96 để rõ thêm về yêu cầu của việc chăm sóc thay thế) và đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được sự đồng ý bằng văn bản của người giám hộ đối với trường hợp trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa;

b) Việc cho, nhận chăm sóc thay thế đối với trẻ em còn cả cha và mẹ hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ nhưng không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em phải được sự đồng ý bằng văn bản của cha và mẹ, cha hoặc mẹ (trừ trường hợp trẻ em được áp dụng biện pháp can thiệp bảo vệ trẻ em ở hình thức cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe dọa hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em hay trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em hoặc khi cha, mẹ bị hạn chế quyền của cha, mẹ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình).

2. Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Cá nhân, người đại diện gia đình là người cư trú tại Việt Nam; có sức khỏe và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có tư cách đạo đức tốt; không bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính về các hành vi xâm hại trẻ em; không bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình, dục dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua, bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em;

b) Có chỗ ở và điều kiện kinh tế phù hợp, bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em;

c) Tự nguyện nhận chăm sóc trẻ em; có sự đồng thuận giữa các thành viên trong gia đình về việc nhận chăm sóc trẻ em; các thành viên trong gia đình không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính về các hành vi xâm hại trẻ em;

d) Người thân thích nhận trẻ em chăm sóc thay thế phải là người thành niên; các trường hợp khác phải hơn trẻ em từ 20 tuổi trở lên.

3. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân hỗ trợ về tinh thần và vật chất để trợ giúp chăm sóc thay thế cho trẻ em.

Câu hỏi số 102: Người chăm sóc thay thế có trách nhiệm và quyền gì liên quan đến việc chăm sóc thay thế?

Trả lời:

Theo Điều 64 Luật trẻ em năm 2016, người nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm điều kiện để trẻ em được sống an toàn, thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với điều kiện của người nhận chăm sóc thay thế;

b) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về tình hình sức khỏe thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em sau 06 tháng kể từ ngày nhận chăm sóc thay thế và hằng năm; trường hợp có vấn đề đột xuất, phát sinh thì phải thông báo kịp thời.

Bên cạnh đó, người nhận chăm sóc thay thế có quyền sau đây:

a) Được ưu tiên vay vốn, dạy nghề, hỗ trợ tìm việc làm để ổn định cuộc sống, chăm sóc sức khỏe khi gặp khó khăn;

b) Được hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của pháp luật và được nhận hỗ trợ của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để thực hiện việc chăm sóc thay thế.

Câu hỏi số 103: Anh Vũ Văn C là người chăm sóc thay thế của cháu Trần Minh T, 04 tuổi mồ côi cả cha và mẹ. Anh C được hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định nào?

Trả lời:

Theo quy định của Điều 20 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, thì anh Vũ Văn C được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng mức thấp nhất hàng tháng là $1,5 \times 270.000 \text{ đồng} = 405.000 \text{ đồng}$.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi anh C cư trú đã có văn bản quyết định mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng cao hơn các mức trên thì anh Vũ Văn C được hưởng theo mức cao hơn đó.

Câu hỏi số 104: Đăng ký nhận chăm sóc thay thế được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 65 Luật trẻ em năm 2016, đăng ký nhận chăm sóc thay thế được thực hiện như sau:

1. Cá nhân, gia đình có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em về chăm sóc thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật trẻ em năm 2016 (xem thêm Câu số 101 để rõ thêm về các điều kiện nhận trẻ em về chăm sóc thay thế) đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế có đủ điều kiện và gửi đến cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

3. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý danh sách, điều phối việc lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trên địa bàn khi có trường hợp trẻ em cần chăm sóc thay thế.

4. Người thân thích của trẻ em khi nhận chăm sóc thay thế không phải đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật trẻ em năm 2016 nhưng phải thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để ra quyết định giao chăm sóc thay thế.

Câu hỏi số 105: Thẩm quyền chăm sóc thay thế được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 66 Luật trẻ em năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trên cơ sở xem xét các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 63 của Luật trẻ em năm 2016 (Xem Câu số 101 để rõ thêm các trường hợp này).

Trường hợp trẻ em được nhận chăm sóc thay thế không có người giám hộ đương nhiên theo quy định của pháp luật và người nhận chăm sóc thay thế đồng ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử người nhận chăm sóc thay thế đồng thời là người giám hộ cho trẻ em.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao trẻ em cho cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp huyện quản lý thực hiện chăm sóc thay thế.

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định giao trẻ em cho cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện chăm sóc thay thế.

Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định việc chăm sóc thay thế đối với trường hợp trẻ em được quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật trẻ em năm 2016 (trường hợp trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em - xem Câu số 99 để rõ thêm các trường hợp này) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em được pháp luật quy định.

Câu hỏi số 106: Việc đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 67 Luật trẻ em năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú hoặc nơi xảy ra hành vi xâm hại trẻ em lập hồ sơ đề nghị đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội trong trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian làm thủ tục để trẻ em được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế;

b) Không lựa chọn được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế;

c) Áp dụng biện pháp cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe dọa hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em.

Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thường xuyên xem xét các trường hợp trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở để đề nghị chuyển hình thức chăm sóc thay thế.

Câu hỏi số 107: Trẻ em thuộc đối tượng nào thì được đưa vào cơ sở trợ giúp xã hội?

Trả lời:

Theo Điều 25 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, thì đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội gồm những trẻ em thuộc diện sau đây:

1. Trẻ em là đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bao gồm:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo, không tự lo được cuộc sống và không có người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng;

c) Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

2. Trẻ em là đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp bao gồm:

a) Trẻ em là nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động;

b) Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú;

c) Trẻ em là đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội tối đa không quá 03 tháng.

4. Đối tượng tự nguyện sống tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội bao gồm:

a) Người cao tuổi thực hiện theo hợp đồng ủy nhiệm chăm sóc;

b) Trẻ em không thuộc diện là đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cần bảo vệ khẩn cấp, nhưng

không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu vào sống tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

Câu hỏi số 108: Hồ sơ, thủ tục đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Về hồ sơ tiếp nhận, Điều 30 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định:

a) Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (Xem câu số 107 để biết thêm về trẻ em trong trường hợp này), bao gồm:

- Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

- Sơ yếu lý lịch của đối tượng theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

- Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch;

- Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV;

- Biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt;

- Quyết định tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp nhà xã hội thuộc cấp xã quản lý;

- Quyết định tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc cấp huyện quản lý;

- Quyết định tiếp nhận của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trường hợp tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Giấy tờ liên quan khác (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em là đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, bao gồm:

- Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

- Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

- Bản sao chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có);

- Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng của đối tượng;

- Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đối tượng đang ở hoặc nơi phát hiện thấy cần sự bảo vệ khẩn cấp;

- Quyết định tiếp nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Hồ sơ tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em không thuộc diện là đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cần bảo vệ khẩn cấp, nhưng không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu vào sống tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, bao gồm:

- Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

- Sơ yếu lý lịch của đối tượng theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

- Bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch;

- Hợp đồng dịch vụ chăm sóc;

- Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

2. Về thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội, Điều 31 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định:

a) Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em là đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định sau đây:

Thứ nhất, trẻ em hoặc người giám hộ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã các giấy tờ gồm: đơn theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; sơ yếu lý lịch của đối tượng theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; bản sao giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch; xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV.

Thứ hai, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng, Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 07 ngày làm việc, trừ những thông tin về HIV của đối tượng.

Hết thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại thì Hội đồng xét duyệt bổ sung biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội thuộc cấp xã quản lý hoặc văn bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trường hợp có khiếu nại trong thời gian niêm yết thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và công khai trước nhân dân, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội thuộc cấp

xã quản lý hoặc có văn bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thứ ba, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

Thứ tư, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thứ năm, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc thẩm quyền quản lý;

Thứ sáu, trường hợp đối tượng không được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ của đối tượng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Thủ tục tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em là đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp thực hiện theo quy định sau đây:

- Khi phát hiện thấy có đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội lập biên bản, nếu thấy cần thiết phải đưa đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội thì hướng dẫn đối tượng, gia đình làm hồ sơ theo quy định;

- Căn cứ hồ sơ của đối tượng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi

dưỡng tại nhà xã hội thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định;

- Khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền quản lý;

- Trường hợp đối tượng không được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ của đối tượng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức đưa và bàn giao đối tượng cho cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Thủ tục quyết định tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em không thuộc diện là đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cần bảo vệ khẩn cấp, nhưng không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu vào sống tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thực hiện theo quy định sau đây:

- Trẻ em hoặc người giám hộ gửi cơ sở bảo trợ xã hội các giấy tờ gồm; đơn của đối tượng hoặc người giám hộ theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; sơ yếu lý lịch của đối tượng theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; bản sao

giấy khai sinh đối với trẻ em, trường hợp trẻ em bị bỏ rơi phải làm thủ tục đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, hợp đồng dịch vụ chăm sóc và các giấy tờ liên quan khác (nếu có);

- Khi nhận được hồ sơ, người đứng đầu cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội quyết định tiếp nhận và ký hợp đồng dịch vụ chăm sóc theo quy định.

Câu hỏi số 109: Thẩm quyền tiếp nhận trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 28 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định thẩm quyền tiếp nhận trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội quyết định tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp;

2. Người đứng đầu cơ sở bảo trợ xã hội quyết định đưa ra khỏi cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội đối với hội đối với trẻ em trước đó đã đưa vào các cơ sở này theo diện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có nguồn nuôi dưỡng và trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp;

3. Người đứng đầu cơ sở bảo trợ xã hội quyết định tiếp nhận hoặc đưa ra khỏi cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội đối với trẻ em không thuộc diện là đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cần bảo vệ khẩn cấp, nhưng không có điều kiện sống tại gia đình, có nhu cầu vào sống tại cơ sở bảo trợ xã hội.

Câu hỏi số 110: Việc theo dõi, đánh giá trẻ em được nhận chăm sóc thay thế được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc theo dõi, đánh giá trẻ em được nhận chăm sóc, thay thế thực hiện như sau:

1. Theo Điều 68 Luật trẻ em năm 2016, cơ quan lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức tư vấn, hướng dẫn triển khai chính sách, biện pháp hỗ trợ người nhận chăm sóc thay thế và trẻ em được chăm sóc thay thế;

b) Rà soát danh sách trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội định kỳ 06 tháng; tiếp nhận kiến nghị của cơ sở trợ giúp xã hội để xem xét, quyết định hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển trẻ em sang hình thức chăm sóc thay thế phù hợp;

c) Thanh tra, kiểm tra việc chăm sóc thay thế tại gia đình và cơ sở trợ giúp xã hội; xử lý theo thẩm quyền trường hợp xâm hại trẻ em hoặc vi phạm tiêu chuẩn chăm sóc trẻ em.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 06 tháng đánh giá mức độ phù hợp của từng trường hợp trẻ em được chăm sóc thay thế tại gia đình thuộc địa bàn quản lý, báo cáo cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện để có biện pháp hỗ trợ, can thiệp phù hợp.

Câu hỏi số 111: Chấm dứt việc chăm sóc thay thế được thực hiện khi nào?

Trả lời:

Theo Điều 69 Luật trẻ em năm 2016, việc chăm sóc thay thế chấm dứt trong trường hợp sau đây:

a) Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế không còn đủ điều kiện chăm sóc trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật trẻ em năm 2016 (xem Câu hỏi số 101 để rõ thêm về các trường hợp này);

b) Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật trẻ em năm 2016 gây tổn hại cho trẻ em được nhận chăm sóc thay thế;

c) Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế đề nghị chấm dứt việc chăm sóc trẻ em;

d) Trẻ em đang được chăm sóc thay thế có hành vi cố ý xâm phạm nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cá nhân, thành viên gia đình nhận chăm sóc thay thế;

đ) Trẻ em trở về đoàn tụ gia đình khi gia đình bảo đảm an toàn, có đủ điều kiện thực hiện quyền của trẻ em.

Trường hợp cá nhân hoặc thành viên trong gia đình nhận chăm sóc thay thế xâm hại trẻ em thì phải chuyển ngay trẻ em ra khỏi cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế và áp dụng các biện pháp bảo vệ trẻ em theo quy định tại Điều 50 của Luật trẻ em năm 2016.

Trường hợp trẻ em muốn chấm dứt việc chăm sóc thay thế, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền và người nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm xem xét để quyết định chấm dứt chăm sóc thay thế vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Người ra quyết định chăm sóc thay thế có thẩm quyền quyết định chấm dứt việc chăm sóc thay thế.

Mục 4. Các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng

Câu hỏi số 112: Bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng phải bảo đảm yêu cầu nào?

Trả lời:

Theo Điều 70 Luật trẻ em năm 2016, bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Bảo đảm trẻ em được đối xử công bằng, bình đẳng, tôn trọng, phù hợp với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em;

2. Ưu tiên giải quyết nhanh chóng các vụ việc liên quan đến trẻ em để giảm thiểu tổn hại đến thể chất và tinh thần của trẻ em;

3. Bảo đảm sự hỗ trợ của cha mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp khác đối với trẻ em trong suốt quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em;

4. Người tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, luật sư, trợ giúp viên pháp lý phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với trẻ em; sử dụng ngôn ngữ thân thiện, dễ hiểu với trẻ em;

5. Bảo đảm quyền được bào chữa, trợ giúp pháp lý cho trẻ em;

6. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật và tái phạm của trẻ em thông qua việc kịp thời hỗ trợ, can thiệp để giải quyết các nguyên nhân, điều kiện vi phạm pháp luật, giúp trẻ em phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng;

7. Bảo đảm kịp thời cung cấp các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp an toàn, liên tục, đầy đủ, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu, hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm lý, sinh lý của từng trẻ em trên cơ sở xem xét và tôn trọng ý kiến, nguyện vọng, tình cảm và thái độ của trẻ em;

8. Bảo đảm sự liên kết chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan, tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, gia đình, cơ sở giáo dục với các cơ quan tiến hành tố tụng, xử lý vi phạm hành chính;

9. Ưu tiên áp dụng các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật; biện pháp cưỡng chế và hạn chế tự do chỉ được áp dụng sau khi các biện pháp ngăn chặn, giáo dục khác không phù hợp;

10. Bảo đảm bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm hạn chế trẻ em phải xuất hiện trước công chúng trong quá trình tố tụng.

Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định bảo vệ trẻ em (người chưa thành niên) trong quá trình tố tụng hành chính như sau:

1. Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ người chưa thành niên, Tòa án có thể xét xử kín (khoản 2 Điều 16);

2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình tố tụng có trách nhiệm bảo vệ người chưa thành niên (Điều 22);

3. Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên,... nếu họ không có người khởi kiện thì Viện kiểm sát kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú cử người giám hộ đứng ra khởi kiện vụ án hành chính để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người đó (khoản 3 Điều 25);

3. Đương sự là người chưa thành niên... thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự trong tố tụng hành chính thông qua người đại diện theo pháp luật (khoản 4 Điều 54);

4. Người làm chứng là người chưa thành niên không phải cam đoan trước Tòa án về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình (điểm đ khoản 2 Điều 62);

5. Đối với trường hợp người chưa thành niên... thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án (khoản 3 Điều 117);

6. Trong vụ án, đương sự là người chưa thành niên mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật thì tạm đình chỉ giải quyết vụ án (điểm b khoản 1 Điều 141);

7. Trong khi thực hiện thủ tục tranh tụng, trước khi hỏi người làm chứng, Chủ tọa phiên tòa phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với các đương sự trong vụ án; nếu người làm chứng là người chưa thành niên thì Chủ tọa phiên tòa có thể yêu

cầu cha, mẹ, người giám hộ hoặc thầy giáo, cô giáo giúp đỡ để hỏi (khoản 2 Điều 181);

8. Trong khi xét xử, trường hợp đặc biệt cần để bảo vệ người chưa thành niên theo yêu cầu của đương sự thì Hội đồng xét xử không công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (khoản 2 Điều 182);

9. Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người chưa thành niên có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác làm đơn kháng cáo trong trường hợp đương sự trong vụ án có người chưa thành niên (khoản 5 Điều 205);

10. Tòa án không có quyền ra quyết định dẫn giải người làm chứng là người chưa thành niên đến phiên tòa, phiên họp (khoản 2 Điều 319).

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định bảo vệ trẻ em (người chưa thành niên) trong quá trình tố tụng hành chính như sau:

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bảo vệ người chưa thành niên (khoản 3 Điều 13);

2. Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ người chưa thành niên thì Tòa án có thể xét xử kín (khoản 2 Điều 15);

3. Viện kiểm sát tham gia các phiên họp sơ thẩm đối với các việc dân sự; phiên tòa sơ thẩm đối với những vụ án có đương sự là người chưa thành niên (khoản 2 Điều 21);

4. Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ việc về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện (khoản 2 Điều 36);

5. Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định hôn nhân và gia đình chưa có hiệu lực pháp luật của

Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị (khoản 2 Điều 38);

6. Đối với vụ án xét sơ sơ thẩm có đương sự là người chưa thành niên thì phải có Hội thẩm nhân dân là người đã hoặc đang công tác tại Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em (Điều 63);

7. Đương sự là người chưa đủ sáu tuổi thì không có năng lực hành vi tố tụng dân sự. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự, việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người này tại Tòa án do người đại diện hợp pháp của họ thực hiện (khoản 4 Điều 69);

8. Hội đồng giải quyết việc dân sự không được ra quyết định dẫn giải người làm chứng đến phiên tòa, phiên họp, nếu người làm chứng là người chưa thành niên và người làm chứng là người chưa thành niên thì không phải cam đoan trước Tòa án về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình (khoản 8, 9 Điều 78); khi tiến hành tố tụng dân sự, nếu có đương sự là người chưa thành niên nhưng không có người đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của họ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015¹ thì Tòa án phải chỉ định người đại diện để tham gia tố tụng; đối với vụ việc lao động mà có đương sự thuộc trường hợp nêu trên hoặc người lao động là người chưa thành niên mà không có người đại diện

1. Nếu họ cũng là đương sự trong cùng một vụ việc với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện;

- Nếu họ đang là người đại diện theo pháp luật trong tố tụng dân sự cho một đương sự khác mà quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đó đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện trong cùng một vụ việc.

và Tòa án cũng không chỉ định được người đại diện thì Tòa án chỉ định tổ chức đại diện tập thể lao động đại diện cho người lao động đó (Điều 88);

9. Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nếu việc giải quyết vụ án có liên quan đến những người này mà họ chưa có người giám hộ (khoản 1 Điều 114 và Điều 115);

10. Nếu cá nhân là người chưa thành niên thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án (điểm b, khoản 2 Điều 189);

11. Đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự thì Thẩm phán, Thẩm tra viên được Chánh án Tòa án phân công phải thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp; khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán có thể tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án (khoản 3 Điều 208);

12. Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên, trường hợp cần thiết có thể mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chứng kiến, tham gia ý kiến việc lấy ý kiến của con chưa thành niên và các thủ tục tố tụng khác đối với người chưa thành niên phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên (khoản 3 Điều 208);

13. Đương sự là người chưa thành niên mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật thì Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án (điểm b khoản 1 Điều 214);

14. Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây cản trở cho việc xét xử thì trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên thì cũng không bị dẫn giải đến phiên tòa (khoản 3 Điều 229 và khoản 2 Điều 490);

15. Người làm chứng là người chưa thành niên thì không phải thực hiện thủ tục cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (khoản 7 Điều 239);

16. Trong tranh tụng, trước khi hỏi người làm chứng, chủ tọa phiên tòa phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với các đương sự trong vụ án; nếu người làm chứng là người chưa thành niên thì chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu cha, mẹ, người giám hộ hoặc thầy giáo, cô giáo giúp đỡ để hỏi (khoản 1 Điều 253);

17. Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ người chưa thành niên theo yêu cầu của đương sự thì Hội đồng xét xử không công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (khoản 2 Điều 254);

18. Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người chưa thành niên có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác thay mặt mình làm đơn kháng cáo (khoản 5 Điều 272).

Câu hỏi số 113: Các biện pháp bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 71 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính; biện

pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi được miễn trách nhiệm hình sự; hình phạt cải tạo không giam giữ; án treo theo quy định của Bộ luật hình sự; trẻ em đã chấp hành xong biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hoặc tù có thời hạn được áp dụng các biện pháp bảo vệ sau đây nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật, phục hồi, tránh tái phạm:

- a) Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ;
- b) Các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp;
- c) Tìm kiếm đoàn tụ gia đình nếu thuộc trường hợp không có nơi cư trú ổn định;

- d) Áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế trong trường hợp trẻ em không còn hoặc không xác định được cha mẹ; không thể sống cùng cha, mẹ; không xác định được nơi cư trú trong thời gian thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền;

- đ) Hỗ trợ gia đình giám sát, quản lý, giáo dục trẻ em;

- e) Các biện pháp bảo vệ khác quy định tại Luật trẻ em năm 2016 khi xét thấy thích hợp.

Cùng với đó, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 dành Phần thứ năm quy định riêng về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên, theo đó, các biện pháp này thiên về giáo dục trẻ em đã thực hiện những hành vi có dấu hiệu của tội phạm, cụ thể:

1. Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng có hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng

mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với người chưa thành niên với một số trường hợp vi phạm hành chính (trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì phải ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em). Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng (Điều 90 và Điều 135).

2. Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý quy định tại Bộ luật hình sự; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (Điều 92 và Điều 136).

3. Người chưa thành niên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm.

Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nếu trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử lý mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Điều 137).

Ngoài ra, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên bao gồm nhắc nhở và quản lý tại gia đình (Điều 138).

Câu hỏi số 114: Các biện pháp bảo vệ trẻ em là người làm chứng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 71 Luật trẻ em năm 2016, trẻ em là người bị hại và trẻ em là người làm chứng mà bị tổn hại về thể chất, tinh thần được áp dụng các biện pháp bảo vệ cấp độ hỗ trợ và các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp. Trẻ em là người làm chứng được bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư; hạn chế tối đa việc dẫn giải, gây áp lực về tâm lý.

Bên cạnh đó, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật tố tụng hành chính năm 2015 còn quy định người làm chứng là người chưa thành niên vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây cản trở cho việc xét xử thì cũng không bị áp dụng biện pháp dẫn giải đến phiên tòa; người làm chứng là người chưa thành niên không phải thực hiện việc cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không khai báo đúng sự thật.

Ngoài ra, Điều 10 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12-7-2011 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên quy định về việc lấy lời khai của người chưa thành niên như sau:

- Việc lấy lời khai người làm chứng là người chưa thành niên có thể thực hiện tại nơi tiến hành điều tra hoặc tại nơi ở

của người đó; nơi lấy lời khai người làm chứng là người chưa thành niên cần được bố trí theo cách thức thích hợp để họ cảm thấy an toàn, thoải mái;

- Điều tra viên, Kiểm sát viên khi tiến hành lấy lời người làm chứng là người chưa thành niên phải có thái độ thân thiện, nhẹ nhàng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi, giới tính, khả năng nhận thức, mức độ trưởng thành của họ;

- Khi lấy lời khai của người làm chứng là trẻ em, cơ quan tiến hành tố tụng phải mời cha mẹ, người đỡ đầu, người bảo vệ quyền lợi của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp khác hoặc thầy cô giáo của người đó tham dự;

- Theo yêu cầu của người làm chứng là người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cơ quan tiến hành tố tụng có thể mời đại diện cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên hoặc cán bộ trợ giúp khác tham gia để hỗ trợ cho họ;

- Cơ quan tiến hành tố tụng cần dựa trên độ tuổi, tình trạng tâm lý, sức khỏe, khả năng nhận thức, mức độ trưởng thành, phát triển của người làm chứng là người chưa thành niên và yêu cầu điều tra để áp dụng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp nhằm giảm đến mức thấp nhất số lần phải lấy lời khai cũng như xác định thời lượng các lần lấy lời khai đối với họ; việc lấy lời khai người làm chứng là người chưa thành niên phải tạm dừng ngay khi họ có biểu hiện mệt mỏi ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ;

- Khi lấy lời khai người làm chứng là người chưa thành niên, cơ quan tiến hành tố tụng có thể ghi âm, ghi hình và phải ghi vào biên bản về việc này để khi tiến hành xét xử vụ án, Hội đồng xét xử có thể sử dụng băng ghi âm, ghi hình đó bổ trợ cho các chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra.

Câu hỏi số 115: Trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 72 Luật trẻ em năm 2016, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có trách nhiệm sau đây:

1. Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, xã hội, y tế, giáo dục và các nguồn trợ giúp khác;

2. Tìm hiểu, cung cấp thông tin về hoàn cảnh cá nhân và gia đình của trẻ em cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính để áp dụng các biện pháp xử lý, giáo dục và ra quyết định khác phù hợp;

3. Tham gia vào quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính có liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; tham gia cuộc họp của Hội đồng tư vấn áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quá trình xem xét tại Tòa án để áp dụng biện pháp đưa trẻ em vào trường giáo dưỡng;

4. Theo dõi, hỗ trợ việc thi hành các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính, tái hòa nhập cộng đồng đối với trẻ em vi phạm pháp luật; kiến nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp đối với trẻ em vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật trẻ em năm 2016;

5. Tham gia xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em và theo dõi việc thực hiện; kết nối dịch vụ và hỗ trợ việc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

Câu hỏi số 116: Phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 73 Luật trẻ em năm 2016, việc phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật được thực hiện như sau:

1. Cơ sở giam giữ, trường giáo dưỡng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú thực hiện các biện pháp sau đây nhằm chuẩn bị và thúc đẩy việc tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật:

a) Duy trì mối liên hệ giữa trẻ em với gia đình;

b) Tổ chức học văn hóa, học nghề, kỹ năng sống cho trẻ em;

c) Xem xét, đánh giá quá trình chấp hành việc học tập, rèn luyện của trẻ em tại cơ sở giam giữ, trường giáo dưỡng để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù hoặc chấm dứt biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định của pháp luật.

2. Chậm nhất là 02 tháng trước khi trẻ em chấp hành xong hình phạt tù, 01 tháng trước khi trẻ em chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ hoặc trường giáo dưỡng nơi trẻ em đang chấp hành hình phạt tù hoặc biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin có liên quan cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em về cư trú để chuẩn bị việc tiếp nhận và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch can thiệp, hỗ trợ và áp dụng biện pháp bảo vệ đối với trẻ em

vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật trẻ em năm 2016.

4. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Công an, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để hướng dẫn, giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp khác đối với trẻ em.

Chương V

TRẺ EM THAM GIA VÀO CÁC VẤN ĐỀ VỀ TRẺ EM

Câu hỏi số 117: Trẻ em được tham gia vào những vấn đề gì về trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 74 Luật trẻ em năm 2016, phạm vi, hình thức trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em gồm:

1. Các vấn đề sau đây về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em phải có sự tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em tùy theo độ tuổi của trẻ em:

a) Xây dựng và triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

b) Xây dựng và thực hiện quyết định, chương trình, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

c) Quyết định, hoạt động của nhà trường, cơ sở giáo dục khác, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

d) Áp dụng biện pháp, cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ trẻ em của gia đình.

2. Trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em thông qua các hình thức sau đây:

a) Diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, sự kiện;

b) Thông qua tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em; hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động vì trẻ em;

c) Hoạt động của câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em được thành lập theo quy định của pháp luật;

d) Tham vấn, thăm dò, lấy ý kiến trẻ em;

đ) Bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trực tiếp hoặc qua kênh truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội và các hình thức thông tin khác.

Câu hỏi số 118: Việc tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em đối với văn bản quy phạm pháp luật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 6 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật.

Do đó, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trẻ em phải được tổ chức lấy ý kiến của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em tùy theo độ tuổi.

Câu hỏi số 119: Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 75 Luật trẻ em năm 2016, cha mẹ và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây để bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình:

1. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình;

2. Tạo điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em;

3. Tạo điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em;

4. Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Câu hỏi số 120: Cha mẹ cháu Nguyễn Q 11 tuổi thường dạy cháu là con cái phải tuyệt đối nghe lời cha mẹ và thường không cho cháu được trình bày ý kiến về việc học tập, sinh hoạt của cháu. Như vậy, hành động trên của cha mẹ cháu Nguyễn Q có đúng pháp luật hay không?

Trả lời:

Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 75 Luật trẻ em năm 2016, cha mẹ có trách nhiệm tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình; tạo điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em.

Do đó, việc cha mẹ cháu Nguyễn Q thường không cho

cháu được trình bày ý kiến về việc học tập, sinh hoạt của cháu là không đúng với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 75 Luật trẻ em năm 2016.

Câu hỏi số 121: Cháu Trần Thanh H, 10 tuổi có tài sản riêng do ông bà nội cho là một cây vàng bốn số 9 (9999). Ông bà nội cháu H đưa cho cha cháu H là anh Trần Thanh Đ giữ. Đến sinh nhật lần thứ 11 của cháu, anh Đ bán cây vàng đó để lấy tiền mua cho cháu một số vật dụng. Như vậy, hành động của anh Đ có đúng pháp luật hay không?

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 77 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trường hợp cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Trường hợp trên, cây vàng được ông bà nội cho cháu H là tài sản riêng của cháu H do anh Đ quản lý. Do cháu Trần Thanh H đã trên 9 tuổi nên trước khi anh Đ định đoạt (bán) cây vàng của cháu H thì phải hỏi ý kiến của cháu H và nói rõ mục đích việc bán đó.

Câu hỏi số 122: Nhà trường và cơ sở giáo dục có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm cho trẻ em tham gia các hoạt động tại trường, cơ sở giáo dục của mình?

Trả lời:

Theo Điều 76 Luật trẻ em năm 2016, nhà trường, cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em tham gia các hoạt động tại trường, cơ sở giáo dục như sau:

1. Tổ chức và tạo điều kiện để trẻ em được tham gia các hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, câu lạc bộ, đội, nhóm

của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội;

2. Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật và quy định về giáo dục có liên quan đến học sinh; công khai thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định;

3. Tạo điều kiện để trẻ em được kiến nghị, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về chất lượng dạy và học; quyền, lợi ích chính đáng của trẻ em trong môi trường giáo dục và những vấn đề trẻ em quan tâm;

4. Tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của trẻ em, giải quyết theo phạm vi trách nhiệm được giao hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết đến trẻ em.

Câu hỏi số 123: Trẻ em là học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông được miễn học phí trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 7 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02-10-2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, chi phí học tập từ năm học 2015 -2016 đến năm học 200-2021 (sau đây gọi là Nghị định số 86/2015/NĐ-CP) thì đối tượng được miễn học phí gồm:

1. Trẻ em là thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2012;

2. Học sinh bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế;

3. Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21-10-2013;

4. Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

5. Học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân;

6. Học sinh hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên);

7. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học;

8. Học sinh học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

9. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Câu hỏi số 124: Trẻ em là học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông được giảm học phí trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 8 của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP thì đối tượng được giảm học phí gồm:

1. Các đối tượng được giảm 70% học phí:

a) Học sinh học các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật công lập và ngoài công lập, gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống;

b) Học sinh các chuyên ngành nhã nhạc, cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp. Danh mục các

nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

c) Học sinh là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

a) Học sinh, là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

b) Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Câu hỏi số 125: Cơ quan nào là tổ chức đại diện cho tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và có nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Theo Điều 77 Luật trẻ em năm 2016, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

Với tư cách là đại diện tiếng nói và nguyện vọng của trẻ em, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức lấy ý kiến, kiến nghị của trẻ em; tổ chức để trẻ em được tiếp xúc với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Thường xuyên lắng nghe, tiếp nhận và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của trẻ em;

c) Chuyển ý kiến, kiến nghị của trẻ em tới các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;

d) Theo dõi việc giải quyết và phản hồi cho trẻ em về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan

giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em;

e) Hằng năm, báo cáo Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc xem xét, giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em.

Câu hỏi số 126: Việc bảo đảm cho trẻ em tham gia vào các vấn đề thuộc lứa tuổi của mình được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 78 Luật trẻ em năm 2016, cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm để trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em quy định tại Điều 74 Luật trẻ em năm 2016 và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tạo môi trường an toàn, thân thiện, bình đẳng để trẻ em tham gia;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin các vấn đề về trẻ em và các vấn đề trẻ em quan tâm với nội dung, hình thức, biện pháp phù hợp;

c) Khuyến khích sự tham gia của trẻ em; không trù dập, kỳ thị khi trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng;

d) Bảo đảm để trẻ em tham gia tự nguyện, chủ động, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em;

đ) Ý kiến, nguyện vọng của trẻ em và ý kiến của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em phải được lắng nghe, tiếp nhận, xem xét, giải quyết và phản hồi đầy đủ, kịp thời, khách quan, trung thực.

Hằng năm, Hội đồng nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của trẻ em về các vấn đề trẻ em quan tâm.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC, GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM

Mục 1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

Câu hỏi số 127: Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 79 Luật trẻ em năm 2016, Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền để thực hiện quyền trẻ em; giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; phân bổ ngân sách hàng năm để bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội để xem xét, đánh giá những vấn đề liên quan đến trẻ em trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện quyền trẻ em khi thẩm tra quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.

Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm ban hành nghị quyết để thực hiện và giám sát việc thực hiện chính

sách, pháp luật về trẻ em trên địa bàn theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm thường xuyên và định kỳ tiếp xúc với trẻ em hoặc đại diện trẻ em; tiếp nhận, chuyển và theo dõi, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức liên quan đến trẻ em.

Câu hỏi số 128: Chính phủ có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 80 Luật trẻ em năm 2016, Chính phủ có trách nhiệm:

1. Thống nhất quản lý nhà nước về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình về trẻ em; bảo đảm cơ chế và biện pháp phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương trong việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em;

2. Bảo đảm xây dựng và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan đến trẻ em trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của quốc gia, ngành, địa phương theo quy định;

3. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em theo thẩm quyền;

4. Bảo đảm điều kiện để tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật trẻ em năm 2016 và chỉ đạo, phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với tổ chức này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

5. Hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em.

Câu hỏi số 129: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 81 Luật trẻ em năm 2016, trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em như sau:

1. Tòa án nhân dân các cấp áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để tiến hành xét xử hành vi vi phạm quyền trẻ em, trẻ em vi phạm pháp luật, ra quyết định tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp thực hiện việc xét xử, ra quyết định tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Tòa án nhân dân các cấp đào tạo, bồi dưỡng cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tiến hành tố tụng các vụ án có liên quan đến trẻ em về quyền của trẻ em, về tâm lý học, khoa học giáo dục liên quan đến trẻ em;

2. Viện kiểm sát nhân dân các cấp áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em. Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em. Viện kiểm sát nhân dân các cấp đào tạo, bồi dưỡng cho Kiểm sát viên

tiến hành tổ tụng các vụ án có liên quan đến trẻ em về quyền của trẻ em, về tâm lý học, khoa học giáo dục liên quan đến trẻ em.

Câu hỏi số 130: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 82 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em; điều phối việc thực hiện quyền trẻ em; bảo đảm thực hiện quyền trẻ em được Chính phủ giao hoặc ủy quyền;

2. Tham gia ý kiến bằng văn bản về những vấn đề liên quan đến trẻ em gửi ban soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành, địa phương;

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em để giúp Chính phủ chuẩn bị báo cáo Quốc hội hằng năm hoặc đột xuất về kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em;

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương chuẩn bị báo cáo quốc gia việc thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em;

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương xây dựng, hướng dẫn và tổ

chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em và sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em;

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em và việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Bên cạnh đó, theo quy định của khoản 13 Điều 2 Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20-12-2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thì trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng những có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của Bộ;

- Quy định cụ thể điều kiện thành lập, tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em;

- Quy định thủ tục tiếp nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vào các cơ sở trợ giúp trẻ em và từ cơ sở trợ giúp trẻ em trở về gia đình;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác thực hiện Chương trình hành động Quốc gia vì trẻ em; Chương trình bảo vệ trẻ em, chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các chương trình, kế hoạch khác về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

- Quản lý, sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.

Câu hỏi số 131: Bộ Tư pháp có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 83 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan bảo đảm việc bảo vệ trẻ em trong quá trình xử lý vi phạm hành chính;

2. Chủ trì, hướng dẫn việc đăng ký khai sinh, giải quyết các vấn đề về quốc tịch của trẻ em, xác định cha, mẹ cho trẻ em;

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi;

4. Quản lý, hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 132: Bộ Y tế có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 84 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Y tế có trách nhiệm:

1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng và công bằng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật;

2. Hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với độ tuổi;

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan hướng dẫn thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích và các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác;

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm

sóc sức khỏe cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em;

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh cho phụ nữ mang thai và trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi.

Câu hỏi số 133: Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 85 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

1. Bảo đảm việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác; xây dựng chương trình, nội dung giáo dục phù hợp với từng độ tuổi trẻ em và bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ em; bảo đảm trẻ em được hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập và tạo điều kiện học ở trình độ cao hơn;

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan quy định tiêu chuẩn trường học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo lực học đường và trình Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều 44 của Luật trẻ em năm 2016;

3. Tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh;

4. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và áp dụng biện pháp trợ giúp giáo dục phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật;

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác, giáo dục và phát triển toàn diện trẻ em trong hệ thống giáo dục; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác;

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xây dựng chính sách giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng cho trẻ em; vận động gia đình, xã hội phát hiện, hỗ trợ, bồi dưỡng trẻ em có năng khiếu, tài năng;

7. Hướng dẫn thực hiện sự tham gia của trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác quy định tại Điều 76 của Luật trẻ em năm 2016;

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan giáo dục, hướng dẫn trẻ em bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; thông tin, hướng dẫn cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ em, đặc biệt là trẻ em trong nhà trẻ;

9. Quản lý và hướng dẫn sử dụng thiết bị, đồ chơi sử dụng trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý.

Câu hỏi số 134: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 86 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

1. Bảo đảm trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch;

2. Chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh

niên Cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn việc phát triển thiết chế văn hóa, thể thao dành riêng cho trẻ em hoặc trẻ em tham gia sử dụng, hưởng thụ;

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quản lý, hướng dẫn xây dựng chương trình, tiết mục, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, việc sáng tác văn học, nghệ thuật; phối hợp tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch dành cho trẻ em và về trẻ em;

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn gia đình thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; giáo dục trẻ em gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị truyền thống của gia đình; tạo điều kiện cho trẻ em được sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình;

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình theo quy định tại Điều 75 của Luật trẻ em năm 2016.

Câu hỏi số 135: Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 87 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân;

2. Quản lý, hướng dẫn việc hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên

các kênh thông tin, truyền thông theo quy định của pháp luật, phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em;

3. Quản lý, hướng dẫn quy chuẩn báo chí, xuất bản, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình và các hình thức cung cấp, quảng bá thông tin khác dành riêng cho trẻ em, có trẻ em tham gia, liên quan đến trẻ em; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử và các phương tiện thông tin khác;

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nhà báo Việt Nam phát triển báo chí, thông tin, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em và trẻ em được tham gia; thực hiện biện pháp thông tin, truyền thông cho gia đình, xã hội về kiến thức, kỹ năng bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; quy định tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng phát thanh, truyền hình, ấn phẩm cho trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật trẻ em năm 2016.

Câu hỏi số 136: Bộ Công an có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 88 Luật trẻ em năm 2016, Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và cơ quan bảo vệ pháp luật hướng dẫn và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em và tội phạm liên quan đến trẻ em;

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện nguyên tắc bảo đảm

thực hiện quyền trẻ em, yêu cầu và biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng; đào tạo, bồi dưỡng về quyền trẻ em, về tâm lý học, khoa học giáo dục cho công an viên, cán bộ trường giáo dưỡng và Điều tra viên tiến hành tố tụng các vụ án có liên quan đến trẻ em;

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan phòng ngừa, ngăn chặn, quản lý, giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật.

Câu hỏi số 137: Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 90 Luật trẻ em năm 2016, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

1. Thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền trẻ em; bố trí và vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật trẻ em năm 2016; tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền; bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em ở địa phương; thực hiện trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật trẻ em năm 2016;

3. Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ cụ thể về thực hiện quyền của trẻ em, bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách thuộc quyền quản lý.

Câu hỏi số 138: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 91 Luật trẻ em năm 2016, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm:

1. Giám sát, phản biện, tham vấn, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, phân bổ nguồn lực đáp ứng quyền của trẻ em theo quy định của pháp luật;

2. Tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên, đoàn viên của tổ chức và toàn xã hội hỗ trợ, tham gia thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền của trẻ em;

3. Thực hiện chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền trẻ em theo sự ủy quyền, hỗ trợ của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;

4. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ngoài việc thực hiện quy định tại các điểm 1, 2 và 3 nêu trên, có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật trẻ em năm 2016;

b) Đề xuất với Chính phủ các điều kiện bảo đảm thực hiện trách nhiệm đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em

và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn bảo đảm sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em;

5. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ngoài việc thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 nêu trên, có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em thực hiện giám sát việc bảo đảm quyền, lợi ích của trẻ em.

Câu hỏi số 139: Các tổ chức xã hội có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 92 Luật trẻ em năm 2016, các tổ chức xã hội có trách nhiệm:

1. Vận động thành viên của tổ chức và xã hội hỗ trợ, tham gia xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền của trẻ em;

2. Thực hiện chính sách, pháp luật, đáp ứng quyền của trẻ em theo tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức được pháp luật quy định; tiếp nhận, thu thập thông tin từ thành viên và xã hội để phản ánh, kiến nghị, tư vấn cho cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, cá nhân về việc thực hiện chính sách, pháp luật;

3. Tổ chức việc cung cấp dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em theo sự ủy quyền, hỗ trợ của Chính phủ, các cấp chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật;

4. Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, ngoài việc thực hiện quy định tại Điều này có trách nhiệm tổ chức việc kết

nổi, thu thập thông tin, kiến nghị của các tổ chức xã hội và của trẻ em chuyển đến các cơ quan nhà nước để góp ý, tư vấn cho việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em; tham gia giám sát thực hiện quyền trẻ em; phát biểu chính kiến và kiến nghị của Hội đối với các cơ quan nhà nước có liên quan về các vấn đề về trẻ em và việc vi phạm pháp luật về trẻ em.

Câu hỏi số 140: Tổ chức kinh tế có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 93 Luật trẻ em năm 2016, tổ chức kinh tế có trách nhiệm:

1. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, phải thực hiện đầy đủ quy trình, tiêu chuẩn để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn, thân thiện với trẻ em, không gây tổn hại cho trẻ em và không vi phạm quyền của trẻ em theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

2. Người sử dụng lao động tạo điều kiện để người lao động thực hiện trách nhiệm của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật;

3. Người sử dụng lao động tạo điều kiện cho trẻ em được học nghề, được bố trí việc làm phù hợp với khả năng, độ tuổi của trẻ em, điều kiện của tổ chức và theo quy định của pháp luật;

4. Đóng góp và vận động nguồn lực cho việc thực hiện quyền của trẻ em phù hợp với khả năng, điều kiện, mức độ phát triển của tổ chức.

Câu hỏi số 141: Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em được thành lập ở cấp nào và do ai thành lập?

Trả lời:

Theo Điều 94 Luật trẻ em năm 2016, tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em được thành lập như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều hòa giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; phối hợp giữa Chính phủ với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; phối hợp giữa các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề về trẻ em, thực hiện quyền của trẻ em.

2. Căn cứ yêu cầu thực tế và điều kiện của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp, đôn đốc, điều hòa việc giải quyết các vấn đề trẻ em, thực hiện quyền của trẻ em ở địa phương.

Câu hỏi số 142: Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập nhằm mục đích gì?

Trả lời:

Điều 95 Luật trẻ em năm 2016 quy định về Quỹ Bảo trợ trẻ em như sau:

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập nhằm mục đích vận động sự đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết để thực hiện các mục tiêu về trẻ em được Nhà nước ưu tiên;

2. Việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em phải đúng mục đích, theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 143: Hệ thống Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

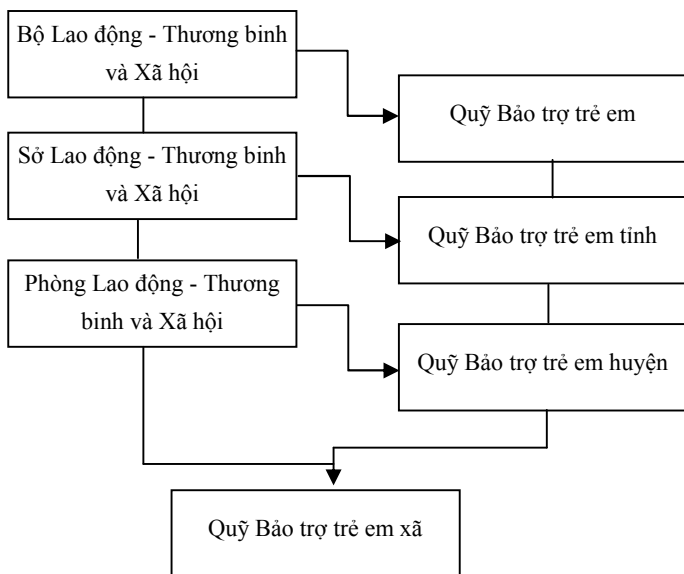
Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam là đơn vị tổ chức sự nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội được thành lập theo Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25-12-2007 của Chính phủ (nay được thay thế bởi Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20-12-2012).

Hệ thống Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam có các quỹ ở trung ương và địa phương. Ở Trung ương có Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam là đơn vị tổ chức sự nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội. Ở địa phương có các Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp tỉnh thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp huyện thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp xã.

Hoạt động của Quỹ tập trung vào hỗ trợ thực hiện quyền trẻ em đối với nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thông qua các hoạt động như: Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng - Thực hiện quyền được sống (phẫu thuật tim, phẫu thuật mắt, phẫu thuật nụ cười, phẫu thuật dị tật vận động, xây dựng công trình nước sạch, cấp phát sữa và chế phẩm dinh dưỡng...); Hỗ trợ giáo dục - Thực hiện quyền được phát triển (Hỗ trợ học bổng, chương trình “Cùng em đến trường”, Hỗ trợ đỡ đầu và bảo trợ dài hạn, Cung cấp dụng cụ học tập, cấp xe đạp, Xây dựng, sửa chữa lớp học và nhà nội trú...); Hoạt động bảo vệ trẻ em - Thực hiện quyền được bảo vệ (hỗ trợ Trung tâm Phục hồi chức năng tại cộng đồng, cấp xe lăn, cấp phao cứu sinh...); Hoạt động thực hiện quyền được tham

gia của trẻ em - thực hiện quyền được tham gia (Hỗ trợ điềm vui chơi, hỗ trợ trẻ em tham gia các sự kiện...); Hỗ trợ đột xuất và các hỗ trợ khác.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM (Các cấp từ Trung ương đến địa phương)



Mục 2. Trách nhiệm của gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục

Câu hỏi số 144: Việc bảo đảm cho trẻ em được sống với cha, mẹ được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 96 Luật trẻ em năm 2016, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên trong gia đình bảo đảm điều

kiện để trẻ em được sống với cha, mẹ. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình phải chấp hành quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về việc hạn chế quyền của cha, mẹ; tách trẻ em khỏi cha, mẹ để bảo đảm an toàn và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Ngoài ra, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định: con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc (khoản 3 Điều 70); cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con (khoản 1 Điều 72).

Câu hỏi số 145: Anh Nguyễn Văn D thường ép buộc con mình là cháu Nguyễn Văn T, 8 tuổi đi ăn xin ở chợ huyện nơi anh sinh sống. Trường hợp này, có thể áp dụng biện pháp hạn chế quyền của anh D đối với cháu T hay không?

Trả lời:

Theo Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

- Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;
- Phá tán tài sản của con;
- Có lối sống đồi trụy;

- Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, Tòa án có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của: cha, mẹ, người giám hộ của con chưa thành niên; người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ ra quyết định không cho cha, mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con, quản lý tài sản riêng của con hoặc đại diện theo pháp luật cho con trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm. Tòa án có thể xem xét việc rút ngắn thời hạn này.

Như vậy, chiếu theo quy định trên, việc anh Nguyễn Văn D thường ép buộc con mình là cháu Nguyễn Văn T đi ăn xin ở chợ huyện nơi anh sinh sống có thể bị Tòa án nhân dân ra quyết định hạn chế quyền đối với cháu Nguyễn Văn T.

Câu hỏi số 146: Nghĩa vụ khai sinh cho trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 97 Luật trẻ em năm 2016, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến thời hạn đăng ký khai sinh cho trẻ em, theo Điều 15 Luật hộ tịch năm 2014 thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà, hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

Câu hỏi số 147: Trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 98 Luật trẻ em năm 2016, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục trẻ em; dành điều kiện tốt nhất theo khả năng cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi; thường xuyên liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm để được hướng dẫn, trợ giúp trong quá trình thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm bảo đảm chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng độ tuổi.

Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh cho trẻ em.

Phụ nữ mang thai có trách nhiệm tiếp cận dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em.

Cha, mẹ, người giám hộ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên trong gia đình có trách nhiệm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; trau dồi kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Bên cạnh đó, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 còn quy định: cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (khoản 1 Điều 71).

Câu hỏi số 148: Bảo đảm quyền học tập, phát triển năng khiếu, vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của trẻ em được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 99 Luật trẻ em năm 2016, cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gương mẫu về mọi mặt cho trẻ em noi theo; tự học để có kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập, hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em phát hiện, khuyến khích, bồi dưỡng, phát triển tài năng, năng khiếu của trẻ em.

Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em tạo điều kiện để trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.

Câu hỏi số 149: Để giúp trẻ em ở lứa tuổi mầm non phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách thì nội dung và phương pháp giáo dục mầm non được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Điều 23 Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014 quy định về nội dung và phương pháp giáo dục mầm non thì:

1. Nội dung giáo dục mầm non phải bảo đảm phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông, bà, cha, mẹ, thầy giáo, cô giáo và người trên; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học;

2. Phương pháp giáo dục mầm non chủ yếu là thông qua việc tổ chức các hoạt động vui chơi để giúp trẻ em phát triển toàn diện; chú trọng việc nêu gương, động viên, khích lệ.

Câu hỏi số 150: Để giúp trẻ em đang được giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông) phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân thì nội dung và phương pháp giáo dục phổ thông được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Điều 28 Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014 thì:

1. Nội dung giáo dục phổ thông phải bảo đảm tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống; gắn với thực tiễn cuộc sống, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở mỗi cấp học.

Giáo dục tiểu học phải bảo đảm cho học sinh có hiểu biết đơn giản, cần thiết về tự nhiên, xã hội và con người; có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết và tính toán; có thói

quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh; có hiểu biết ban đầu về hát, múa, âm nhạc, mỹ thuật.

Giáo dục trung học cơ sở phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở tiểu học, bảo đảm cho học sinh có những hiểu biết phổ thông cơ bản về tiếng Việt, toán, lịch sử dân tộc; kiến thức khác về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; có những hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp.

Giáo dục trung học phổ thông phải củng cố, phát triển những nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung giáo dục phổ thông; ngoài nội dung chủ yếu nhằm bảo đảm chuẩn kiến thức phổ thông, cơ bản, toàn diện và hướng nghiệp cho mọi học sinh còn có nội dung nâng cao ở một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của học sinh;

2. Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh.

Câu hỏi số 151: Theo quy định của pháp luật, không được dạy thêm đối với trẻ em trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 4 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16-5-2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm thì không được dạy thêm đối với trẻ em trong các trường hợp sau đây:

- Không dạy thêm đối với học sinh đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày;

- Không dạy thêm đối với học sinh tiểu học, trừ các trường hợp: bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng sống;

- Đối với giáo viên đang hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Không được tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường nhưng có thể tham gia dạy thêm ngoài nhà trường;

+ Không được dạy thêm ngoài nhà trường đối với học sinh mà giáo viên đang dạy chính khóa khi chưa được sự cho phép của Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo viên đó.

Câu hỏi số 152: Cha, mẹ, người giám hộ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm gì trong việc bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 100 Luật trẻ em năm 2016 thì:

1. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Trau dồi kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại;

b) Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của trẻ em;

c) Bảo đảm để trẻ em thực hiện được quyền bí mật đời sống riêng tư của mình, trừ trường hợp cần thiết để bảo vệ trẻ em và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

2. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác, thông báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc đang bị xâm hại trong và ngoài gia đình.

3. Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho trẻ em trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 153: Cha, mẹ, người giám hộ, có trách nhiệm gì trong việc bảo vệ quyền dân sự của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 101 Luật trẻ em năm 2016, cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trong trường hợp để trẻ em thực hiện giao dịch dân sự trái pháp luật.

Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em phải giữ gìn, quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Trường hợp trẻ em gây thiệt hại cho người khác thì cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em phải bồi thường thiệt hại do hành vi của trẻ em đó gây ra theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi số 154: Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gì trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em?

Trả lời:

Theo Điều 102 Luật trẻ em năm 2016, cha, mẹ, giáo

viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em theo quy định tại Chương II của Luật trẻ em năm 2016.

Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu, nhận thức đầy đủ và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em theo quy định tại Chương II của Luật trẻ em năm 2016.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Chương I. Một số quy định chung của pháp luật về trẻ em Việt Nam</i>	7
<i>Chương II. Quyền và bổn phận của trẻ em</i>	32
<i>Chương III. Chăm sóc và giáo dục trẻ em</i>	60
<i>Chương IV. Bảo vệ trẻ em</i>	69
<i>Chương V. Trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em</i>	113
<i>Chương VI. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em</i>	121

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung:	ThS. VĂN THỊ THANH HƯƠNG TRẦN HÀ TRANG
Trình bày bìa:	PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in:	ĐỖ THANH HOÀNG
Đọc sách mẫu:	TRẦN HÀ TRANG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH

TS. Lê Minh Nghĩa

*** GƯƠNG SÁNG LÀM THEO LỜI BÁC**

ThS. Nguyễn Hằng Thanh (Chủ biên)

*** GƯƠNG SÁNG HỌC SINH, SINH VIÊN**

Nguyễn Đắc Hưng

*** NHÂN TÀI VỚI TƯƠNG LAI ĐẤT NƯỚC**



SÁCH KHÔNG BÁN